



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU

**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
VỀ GIÁO DỤC
THEO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP**
(TÀI LIỆU LƯU HÀNH NỘI BỘ)

Hà Nội, 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU

**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
VỀ GIÁO DỤC THEO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP**

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

Ban chỉ đạo biên soạn nội dung tài liệu:
THỨ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
PHẠM NGỌC THƯỜNG

Ban biên soạn tài liệu:
Các ông/ bà có tên trong *Quyết định số 1870/QĐ-BGDĐT* ngày 03/7/2025

Hà Nội, 2025

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	4
LỜI GIỚI THIỆU.....	5

Phần 1. TỔNG QUAN PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO.....6

1. PHẠM VI PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC 6

2. NGUYÊN TẮC PHÂN CẤP, PHÂN QUYỀN, PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC..... 7

2.1. Về phân cấp, phân quyền 7

2.2. Về phân định thẩm quyền 8

3. NỘI DUNG PHÂN CẤP PHÂN QUYỀN, PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC9

3.1. Về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo..... 9

3.2. Về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo 11

3.3. Quy định về phân định thẩm quyền quy định tại các Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo 17

3.4. Dự thảo Thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo 19

Phần 2. PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP TRONG GIÁO DỤC MẦM NON.....22

1. ĐỐI VỚI CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG CẤP TỈNH22

1.1. Đối với Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh..... 22

1.2. Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh 22

1.3. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo 23

2. ĐỐI VỚI CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG CẤP XÃ.....25

2.1. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã..... 25

2.2. Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã 27

Phần 3. PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHỔ THÔNG30

1. ĐỐI VỚI CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG CẤP TỈNH	30
1.1. Đối với Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh	30
1.2. Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh	30
1.3. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo	32
2. ĐỐI VỚI CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG CẤP XÃ.....	34
2.1. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã	34
2.2. Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	38

Phần 4. PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP TRONG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN.....42

1. ĐỐI VỚI CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG CẤP TỈNH	42
1.1. Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	42
1.2. Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.....	42
1.3. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo	44
2. ĐỐI VỚI CỬA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG CẤP XÃ	48
2.1. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã	48
2.2. Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	49

Phần 5. PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, NHÂN SỰ QUẢN LÝ, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG NGÀNH GIÁO DỤC50

1. ĐỐI VỚI CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG CẤP TỈNH	50
1.1. Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	50
1.2. Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.....	51
1.3. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo	51
2. ĐỐI VỚI CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG CẤP XÃ.....	53
2.1. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã	53
2.2. Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	55

3. MỘT SỐ ĐIỂM LƯU Ý	55
1. Về một số điểm mới đối với trách nhiệm, quyền hạn và nhiệm vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo	55
2. Một số lưu ý.....	58

Phần 6. PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP TRONG QUẢN LÝ CƠ SỞ VẬT CHẤT, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH.....60

1. THẨM QUYỀN CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG CẤP TỈNH	60
1.1. Đối với Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh	60
1.2. Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh: không có	61
1.3. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo	61
2. THẨM QUYỀN CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG CẤP XÃ	63
2.1. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã	63
2.2. Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: Không có.	65

Phần 7. PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, PHÂN ĐỊNH MỘT SỐ THẨM QUYỀN KHÁC TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP..... 66

1. ĐỐI VỚI CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG CẤP TỈNH.....	66
1.1. Đối với Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh	66
1.2. Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh	66
1.3. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo	66
2. ĐỐI VỚI CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG CẤP XÃ.....	68
2.1. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã	68
2.2. Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	75
TÀI LIỆU THAM KHẢO	77

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

TT	TỪ VIẾT TẮT	NGHĨA ĐẦY ĐỦ
1	BGDĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
2	CBQL	Cán bộ quản lý
3	CTGDPT	Chương trình giáo dục phổ thông
4	GV	GV
5	HS	HS

LỜI GIỚI THIỆU

Trong bối cảnh nước ta đang tích cực triển khai mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, với yêu cầu đặt ra là cần tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền cấp xã với vai trò là cấp chính quyền gần dân, sát dân, trực tiếp tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật và giải quyết các vấn đề của người dân, doanh nghiệp, cung cấp dịch vụ công cơ bản, thiết yếu, phát huy tính chủ động, sáng tạo của cấp cơ sở.

Ngày 16/6/2025, Quốc hội đã ban hành Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền đã ban hành các Nghị định, văn bản hướng dẫn để triển khai thực hiện mô hình chính quyền địa hai cấp, trong đó đã có nhiều quy định đổi mới toàn diện về tổ chức bộ máy, phân định nhiệm vụ, quyền hạn, cũng như cách thức vận hành của chính quyền cấp xã.

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục được Chính phủ phân công, ngày 12/6/2025 Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu trình Chính phủ ban hành 02 Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước về giáo dục; và ban hành theo thẩm quyền 05 Thông tư hướng dẫn phân cấp, phân quyền lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, Bộ Giáo dục và Đào tạo biên soạn tài liệu “Hướng dẫn thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục theo chính quyền địa phương hai cấp” nhằm cung cấp thông tin một cách hệ thống, đầy đủ và dễ tiếp cận cho đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục của các Sở Giáo dục và Đào tạo và cán bộ, công chức cấp xã phụ trách về giáo dục trong việc triển khai thi hành Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và các văn bản pháp luật lĩnh vực giáo dục và đào tạo mới được ban hành. Nội dung của Tài liệu được thiết kế theo hướng cụ thể hóa quyền hạn và trách nhiệm của từng chủ thể quản lý tại cơ sở, bảo đảm thống nhất và hiệu quả trong tổ chức thực hiện. Hy vọng tài liệu sẽ là cuốn sổ tay hữu ích phục vụ công tác bồi dưỡng, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về quản lý giáo dục cho cán bộ, công chức công tác ở chính quyền địa phương cấp xã và cấp tỉnh.

Ban biên soạn trân trọng giới thiệu đến quý bạn đọc, đồng nghiệp, cán bộ, công chức đang công tác tại địa phương và mong nhận được các ý kiến đóng góp để tiếp tục hoàn thiện tài liệu. Ý kiến đóng góp (nếu có) xin gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Giáo dục Phổ thông, số 35 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội, email: vugdpt@moet.gov.vn)

Phần 1.

TỔNG QUAN PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

1. PHẠM VI PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC

Thực hiện Kết luận số 126-KL/TW¹, Kết luận số 127-KL/TW², Kết luận số 130-KL/TW³ và Kết luận số 137-KL/TW⁴ của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII; Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội khoá XV quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước; Công văn số 43-CV/BCĐ ngày 20/3/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết 18-NQ/TW về kế hoạch tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Quyết định số 758/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Kế hoạch số 40/KH-BCĐ ngày 19/4/2025 của Ban chỉ đạo sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương hai cấp; Kế hoạch số 447/KH-CP ngày 17/5/2025 của Chính phủ về xây dựng các nghị định phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền gắn với việc thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chủ trì soạn thảo, trình Chính phủ ban hành và ban hành theo thẩm quyền 07 văn bản quy phạm pháp luật tác động trực tiếp đến việc triển khai thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, gồm: Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 09/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục mầm non; Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm

¹ Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025.

² Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

³ Kết luận số 130-KL/TW ngày 14/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp (cấp tỉnh và cấp cơ sở, không tổ chức cấp huyện).

⁴ Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông; Thông tư số 11/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên; Thông tư số 12/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với lĩnh vực nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục; Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực giáo dục.

Tại 02 Nghị định và 05 Thông tư nêu trên, phạm vi phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục được áp dụng đối với:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo
2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
4. Sở Giáo dục và Đào tạo
5. Ủy ban nhân dân cấp xã
6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

Thời hạn hiệu lực: 02 Nghị định và 05 Thông tư nêu trên có hiệu lực thi hành đến ngày 01/3/2027.

2. NGUYÊN TẮC PHÂN CẤP, PHÂN QUYỀN, PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC

Việc phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã được đề xuất thực hiện bảo đảm các nguyên tắc sau:

2.1. Về phân cấp, phân quyền

a) Bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp; phù hợp với các nguyên tắc, quy định về phân quyền, phân cấp của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

b) Trung ương tập trung quản lý vĩ mô, xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đồng bộ, thống nhất, giữ vai trò kiến tạo và tăng cường kiểm tra, giám sát; phân cấp, phân quyền đủ mạnh, đủ rõ, hợp lý các nhiệm vụ ở Trung ương đang thực hiện về cho địa phương theo đúng tinh thần “địa phương quyết định, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”.

c) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và phân định rõ giữa thẩm quyền chung của Ủy ban nhân dân và thẩm quyền riêng của chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã nhằm phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức các cấp (không để tình trạng đùn đẩy, né tránh và chậm trễ trong việc triển khai các nhiệm vụ, quyền hạn; gửi xin ý kiến tràn lan).

d) Rà soát, thực hiện phân cấp, phân quyền giữa các ngành, lĩnh vực có liên quan bảo đảm đồng bộ, tổng thể, liên thông, không bỏ sót hoặc chồng lấn, giao thoa nhiệm vụ; bảo đảm cơ sở pháp lý cho hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt của các cơ quan; không để gián đoạn công việc, không để chồng chéo, trùng lặp, bỏ sót chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực, địa bàn.

đ) Bảo đảm quyền con người, quyền công dân; bảo đảm công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong việc tiếp cận thông tin, thực hiện các quyền, nghĩa vụ và các thủ tục theo quy định của pháp luật; không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của xã hội, người dân, doanh nghiệp.

e) “Đẩy mạnh phân cấp cho chính quyền địa phương cấp xã theo năng lực và yêu cầu quản lý”;... được nêu tại Kết luận số 155-KL/TW⁵, Kết luận số 137-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW.

g) Bảo đảm không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

h) Nguồn lực thực hiện nhiệm vụ được phân quyền, phân cấp do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định

2.2. Về phân định thẩm quyền

a) Bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp, phù hợp với các nguyên tắc, quy định về phân định thẩm quyền của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

b) Bảo đảm phân định nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cấp chính quyền địa phương phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn và năng lực của cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân định; không trùng lặp, chồng chéo, bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa chính quyền địa phương các cấp và giữa các cơ quan, tổ chức thuộc chính quyền địa phương.

⁵ Kết luận số 155-KL/TW ngày 17/5/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện về sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính từ nay đến ngày 30/6/2025.

c) Bảo đảm phân định rõ thẩm quyền giữa Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân; phân định rõ thẩm quyền chung của Ủy ban nhân dân và thẩm quyền riêng của Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

d) Bảo đảm cơ sở pháp lý cho hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt của cơ quan, xã hội, người dân và doanh nghiệp; bảo đảm quyền con người, quyền công dân; tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong việc tiếp cận thông tin, thực hiện các quyền, nghĩa vụ và các thủ tục theo quy định của pháp luật.

đ) Bảo đảm tính thống nhất trong tổ chức thi hành Hiến pháp và pháp luật; bảo đảm tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và thực hiện có hiệu quả việc kiểm soát quyền lực gắn với trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên.

e) Bảo đảm không ảnh hưởng đến việc thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

g) Nguồn lực thực hiện nhiệm vụ phân định thẩm quyền do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định.

3. NỘI DUNG PHÂN CẤP PHÂN QUYỀN, PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC

3.1. Về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Nghị định số 143/2025/NĐ-CP

Việc phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Nghị định số 143/2025/NĐ-CP đối với 07 nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhằm thể chế hoá các chủ trương của Đảng, chỉ đạo của Chính phủ về việc xây dựng và củng cố chính quyền địa phương theo hướng “*phân cấp tối đa cho chính quyền địa phương*”, “*địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm*”, chuyển đổi mô hình cấp xã từ “*chính quyền quản lý*” sang “*chính quyền phục vụ*”, lấy người dân là trung tâm, chủ động nắm bắt, giải quyết các vấn đề phát sinh và liên quan đến cá nhân, tổ chức ngay từ cơ sở; đồng thời, đảm bảo việc triển khai nhiệm vụ được thông suốt, hiệu quả, kịp thời, cải cách tối đa thủ tục hành chính, giảm chi phí, tạo thuận lợi cao nhất cho người dân, doanh nghiệp, Nghị định quy định theo hướng chuyển giao các nhiệm vụ liên quan đến nghiệp vụ cụ thể đang do Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện cho cấp xã tiếp tục thực hiện, các nhiệm vụ có tính chất phức tạp thì chuyển giao cho cấp tỉnh tiếp tục thực hiện. Cụ thể:

a) Thẩm quyền công nhận tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục mức độ 1 và mức độ 2, xóa mù chữ mức độ 1 đối với tỉnh quy định tại Điều 25 Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục,

xóa mù chữ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện (theo Nghị định số 20/2014/NĐ-CP thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo);

b) Thẩm quyền cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị quy định tại Điều 40 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 124/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện (theo Nghị định 86/2018/NĐ-CP thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo);

c) Thẩm quyền chuyển đổi loại hình cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị thành lập sang cơ sở hoạt động không vì lợi nhuận quy định tại Điều 6 và Điều 7 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện (theo Nghị định 84/2020/NĐ-CP thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo);

d) Thẩm quyền phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài quy định tại Điều 22 và Điều 23 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 124/2024/NĐ-CP) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện *(theo Nghị định 86/2018/NĐ-CP thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*;

đ) Thẩm quyền cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung quyết định cho phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam quy định tại Điều 57 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 124/2024/NĐ-CP) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện *(theo Nghị định 86/2018/NĐ-CP thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*;

e) Thẩm quyền cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cấp lại, chấm dứt hoạt động, thu hồi giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam quy định tại Điều 31 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật giáo dục nghề nghiệp (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện *(theo Nghị định 15/2019/NĐ-CP thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*;

g) Thẩm quyền đánh giá việc đảm bảo các điều kiện tổ chức dạy học tiếng dân tộc thiểu số quy định tại Điều 4 Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng

7 năm 2010 của Chính phủ quy định việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện (theo Nghị định 82/2010/NĐ-CP thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

3.2. Về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Nghị định số 142/2025/NĐ-CP

Nghị định quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gồm 09 chương với 45 Điều với 50 nhiệm vụ (trong đó: **02/25 nhiệm vụ** thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện chuyển lên cấp tỉnh thực hiện và **23/25 nhiệm vụ** thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện chuyên về cấp xã thực hiện). Cụ thể:

a) Phân định thẩm quyền trong lĩnh vực giáo dục mầm non (từ Điều 4 đến Điều 7):

- Thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường mầm non do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện (*theo Nghị định 125/2024/NĐ-CP thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo*).

- Thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện

- Thẩm quyền chuyển đổi đối với trường mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư và bảo đảm điều kiện hoạt động do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

- Thẩm quyền chuyển đổi đối với trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư và bảo đảm điều kiện hoạt động do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện (*theo Nghị định 84/2020/NĐ-CP thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện*).

- Thẩm quyền xét duyệt, thẩm định hồ sơ thực hiện chính sách phát triển giáo dục mầm non (gồm xét duyệt, thẩm định hồ sơ và lập danh sách cơ sở giáo dục mầm non được hưởng chính sách; xét duyệt, thẩm định hồ sơ và lập danh sách trẻ em mầm non được hưởng chính sách; xét duyệt, thẩm định hồ sơ và lập danh sách giáo viên mầm non được hưởng chính sách) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện (theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP thẩm quyền của Phòng Giáo dục và Đào tạo).

b) Phân định thẩm quyền trong lĩnh vực giáo dục phổ thông (từ Điều 8 đến Điều 12):

- Thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường tiểu học do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện (*theo Nghị định 125/2024/NĐ-CP thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo*).

- Thẩm quyền cho phép, đình chỉ, thu hồi quyết định cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

- Thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện (*theo Nghị định 125/2024/NĐ-CP thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo*).

- Thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

- Thẩm quyền cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục đối với trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện.

- Thẩm quyền cấp văn bằng tốt nghiệp trung học cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 34 và khoản 2 Điều 45 Luật Giáo dục do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện (*theo Luật Giáo dục thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện*).

- Thẩm quyền chuyển đổi đối với trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư và bảo đảm điều kiện hoạt động do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện (*theo Nghị định 84/2020/NĐ-CP thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện*).

- Thẩm quyền chuyển đổi đối với trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư và bảo đảm điều kiện hoạt động và cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư và bảo đảm điều kiện hoạt động do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

c) Phân định thẩm quyền trong lĩnh vực giáo dục thường xuyên (từ Điều 13 đến Điều 17):

- Thẩm quyền thành lập, đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

- Thẩm quyền cho phép thành lập, đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thục do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện.

- Thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập, đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể trung tâm học tập cộng đồng công lập, tư thục do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện *(theo Nghị định 125/2024/NĐ-CP thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo)*.

- Thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập, đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên công lập, tư thục do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện.

- Thẩm quyền thành lập, đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện

- Thẩm quyền cho phép thành lập, đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện.

- Thẩm quyền kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đối với xã do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện *(theo Nghị định số 20/2014/NĐ-CP thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện)*.

d) Phân định thẩm quyền đối với trường chuyên biệt (từ Điều 18 đến Điều 22):

- Thẩm quyền thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

- Thẩm quyền cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện *(theo Nghị định 125/2024/NĐ-CP thẩm quyền của Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo)*.

- Thẩm quyền cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện.

- Thẩm quyền thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường phổ thông dân tộc bán trú do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện *(theo Nghị định 125/2024/NĐ-CP thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo)*.

- Thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường trung học phổ thông chuyên do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

- Thẩm quyền cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục trường trung học phổ thông chuyên do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện.

- Thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao đặt trên địa bàn tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

- Thẩm quyền cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao thuộc địa phương hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao thuộc địa phương do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện.

- Thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường dành cho người khuyết tật và thành lập hoặc cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường trung học phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

- Thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện (*theo Nghị định 125/2024/NĐ-CP thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện*).

- Thẩm quyền cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục trường dành cho người khuyết tật do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện.

đ) Phân định thẩm quyền trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp (từ Điều 23 đến Điều 32):

- Thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thực trên địa bàn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

- Thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

- Thẩm quyền sáp nhập, chia, tách, giải thể hoặc cho phép sáp nhập, chia, tách, giải thể và đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập trung

tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

- Thẩm quyền chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

- Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp, cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện.

- Thẩm quyền đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với các trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với các trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện.

- Thẩm quyền cho phép thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

- Thẩm quyền cho phép sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài, chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

- Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài, đình chỉ đối với hoạt động liên kết đào tạo của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp, chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện.

- Thẩm quyền cho phép thành lập, công nhận cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

- Thẩm quyền và nội dung quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

- Thẩm quyền chi trả học bổng chính sách và các khoản hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên học tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập thuộc diện được hưởng chính sách nội trú quy định tại khoản 2 Điều 5 Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện (*theo Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg thẩm quyền của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện*).

(6) Phân định một số thẩm quyền khác trong lĩnh vực giáo dục (từ Điều 33 đến Điều 37):

- Thẩm quyền ban hành kế hoạch thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành kế hoạch hàng năm theo đề xuất của Sở Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo (theo Nghị định 71/2020/NĐ-CP thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện).

- Thẩm quyền giải quyết về chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện (theo Nghị định số 141/2020/NĐ-CP thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện).

- Thẩm quyền giải quyết về chế độ chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho người học trong các cơ sở giáo dục (gồm chi trả (hoặc ủy quyền cho cơ sở giáo dục chi trả), quyết toán kinh phí miễn, giảm, hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập; tổng hợp, xây dựng dự toán kinh phí thực hiện miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện (theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP thẩm quyền của Phòng Giáo dục và Đào tạo cấp huyện).

- Thẩm quyền xét, thẩm định, phê duyệt danh sách đối với học viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện (theo Nghị định số 84/2020/NĐ-CP thẩm quyền của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Thẩm quyền chi trả học bổng chính sách đối với học viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện (theo Nghị định số 84/2020/NĐ-CP thẩm quyền của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Thẩm quyền giải quyết về chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách (gồm xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú và trình tự, thủ tục cấp kinh phí thực hiện đối với các cơ sở giáo dục mầm non; xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú và trình tự, thủ tục cấp kinh phí, hỗ trợ gạo đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã; cấp kinh phí và hỗ trợ gạo cho học sinh dân tộc nội trú của các cơ sở giáo dục phổ thông trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện (theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP thẩm quyền của Phòng Giáo dục và Đào tạo cấp huyện).

- Thẩm quyền thành lập Hội đồng cấp cơ sở xét tặng danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9, khoản 1 Điều 10, Phụ lục I Nghị định số 35/2024/NĐ-CP ngày 02/4/2024 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú” do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện (theo Nghị định số 35/2024/NĐ-CP thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện).

e) Đối với nhóm phân định thẩm quyền về trách nhiệm quản lý nhà nước (từ Điều 38 đến Điều 42):

Nghị định quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục của UBND cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp tỉnh; Sở GD&ĐT là cơ quan chuyên môn về lĩnh vực giáo dục tham mưu, giúp việc cho UBND cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục; UBND cấp xã và Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn: về xây dựng kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, chính sách phát triển giáo dục; về cơ sở vật chất cho giáo dục; về tài chính cho giáo dục thuộc phạm vi quản lý nhà nước của địa phương; về đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức và người lao động; về nội dung, chương trình giáo dục; về kiểm tra, thanh tra trong lĩnh vực giáo dục.

3.3. Quy định về phân định thẩm quyền quy định tại các Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực giáo dục

Ngày 12/6/2025, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành 05 Thông tư quy định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền của cấp huyện cho cấp tỉnh và cấp xã trong lĩnh vực giáo dục, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025; trong đó, các nội dung về quản lý nhân sự và chuyên môn của cấp huyện được giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện (Sở Giáo dục và Đào tạo); các nội dung về thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường mầm non, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở, tổ chức thực hiện các quy định do cấp huyện thực hiện giao cho cấp xã nhằm đảm bảo phù hợp với các quy định tại Nghị định số 142/2025/NĐ-CP và Nghị định số 143/2025/NĐ-CP của Chính phủ và theo nguyên tắc không quy định lại các nội dung đã được cụ thể hóa tại các Nghị định này. Quy định cụ thể tại các Thông tư nêu trên như sau:

(1) Thông tư số 09/2025/TT-BGD&ĐT ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục mầm non.

Thông tư xác lập nguyên tắc phân cấp phù hợp với năng lực từng cấp, bảo đảm thống nhất quản lý, tránh chồng chéo hoặc bỏ sót nhiệm vụ, đồng thời gắn với trách nhiệm và nguồn lực thực hiện. Nhiều nhiệm vụ trước đây do Phòng GD&ĐT cấp huyện thực hiện nay được phân giao cho UBND cấp xã, đặc biệt trong quản lý cơ sở giáo dục mầm non, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập. Thông tư cũng quy định rõ trách nhiệm của Sở GD&ĐT trong hướng dẫn chuyên môn, kiểm định chất lượng, tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non và xây dựng

môi trường giáo dục an toàn. Việc phân quyền này nhằm tăng cường tính chủ động và hiệu quả quản lý ở cấp cơ sở, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục mầm non trong bối cảnh mới.

(2) Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông.

Thông tư chuyển giao nhiều nhiệm vụ từ Phòng GD&ĐT cấp huyện về cho UBND cấp xã, đặc biệt trong các lĩnh vực như: cấp giấy chuyển trường trung học cơ sở, tổ chức đánh giá học sinh các cấp, quản lý và chi trả chính sách học bổng, hỗ trợ đối tượng đặc thù, và quản lý hoạt động dạy thêm học thêm ngoài nhà trường trên địa bàn. Đồng thời, UBND cấp xã cũng được giao trách nhiệm quản lý các loại hình trường phổ thông trên địa bàn, bao gồm tiểu học, THCS, trường phổ thông nhiều cấp học, trường dân tộc bán trú. Trong khi đó, Sở GD&ĐT giữ vai trò chủ trì chuyên môn, chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục phổ thông, kiểm định chất lượng và bảo đảm yêu cầu chuyên môn đối với các hoạt động giáo dục. Việc phân cấp này nhằm tăng cường hiệu quả quản lý tại cơ sở, giảm tầng nấc trung gian và phát huy vai trò chủ động của chính quyền cấp xã trong thực thi chính sách giáo dục phổ thông.

(3) Thông tư số 11/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên.

Thông tư phân cấp cho UBND cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ như: chỉ đạo, tổ chức, quản lý và giám sát hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng; hỗ trợ tổ chức các lớp xóa mù chữ, giáo dục tiếp tục sau biết chữ; chi trả học bổng và chính sách cho người học tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục trên địa bàn. Đồng thời, giao UBND cấp xã quản lý các điều kiện bảo đảm hoạt động giáo dục tại các cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo phân cấp. Trong khi đó, Sở GD&ĐT cấp tỉnh chịu trách nhiệm hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, tổ chức đánh giá chất lượng, kiểm định cơ sở giáo dục, và giám sát việc thực hiện các quy định chuyên môn. Việc phân quyền, phân cấp nhằm tăng cường tính chủ động, hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước ở cơ sở, đồng thời bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn và nguồn lực của từng địa phương.

(4) Thông tư số 12/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với lĩnh vực nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục.

Theo đó, nhiều nhiệm vụ trước đây do Phòng GD&ĐT cấp huyện thực hiện nay được giao cho UBND cấp xã. Cụ thể, UBND cấp xã được phân cấp tổ chức các hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cấp trường và tổng phụ trách Đội TNTP Hồ Chí Minh giỏi theo chu kỳ 2 năm/lần; tổ chức bình chọn giáo viên tiêu biểu và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục tiêu biểu tại địa phương. Đồng thời, cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức đánh giá, xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên và chuẩn hiệu trưởng các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý, trên cơ sở hướng dẫn chuyên môn của cấp tỉnh. Về phía Sở GD&ĐT, tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn mang tính chất liên tỉnh hoặc cấp tỉnh như: đánh giá, lựa chọn đội ngũ cán bộ quản lý cốt cán; tổ chức hội thi giáo viên dạy giỏi, hiệu trưởng giỏi cấp tỉnh; hướng dẫn thực hiện chuẩn nghề nghiệp và tiêu chuẩn chức danh theo quy định hiện hành. Thông tư đồng thời cập nhật các văn bản quy phạm trước đây theo hướng thay thế cụm từ “Phòng GD&ĐT cấp huyện” bằng “UBND cấp xã” để thống nhất với mô hình phân cấp hiện hành.

(5) Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực giáo dục.

Theo Thông tư, UBND cấp xã được phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ hành chính quan trọng như: cấp, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi và quản lý phôi văn bằng tốt nghiệp trung học cơ sở; xác nhận bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc theo quy định; tổ chức lưu trữ, khai thác và sử dụng dữ liệu văn bằng chứng chỉ tại địa phương. Đồng thời, cấp xã cũng chịu trách nhiệm quản lý, cập nhật và vận hành các hệ thống thông tin, thư điện tử công vụ, và cổng thông tin điện tử phục vụ công tác giáo dục trên địa bàn. Trong khi đó, Sở GD&ĐT cấp tỉnh giữ vai trò hướng dẫn chuyên môn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về quản lý văn bằng, chứng chỉ, bảo đảm chất lượng và tính pháp lý của hệ thống quản lý giáo dục tại cơ sở. Thông tư góp phần tinh gọn hóa quy trình hành chính, tăng tính chủ động và hiệu quả thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục tại cấp cơ sở.

3.4. Dự thảo Thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và lĩnh vực giáo dục và đào tạo của phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Ngày 22/5/2020, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư số 12/2020/TT-BGDĐT hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương. Tuy nhiên, Thông tư số 12/2020/TT-BGDĐT hiện không còn phù hợp với mô hình tổ chức chính

quyền địa phương hai cấp theo Hiến pháp năm 2013 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025), Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025 và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025, Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Nghị định số 142/2025/NĐ-CP, Nghị định số 143/2025/NĐ-CP, Bộ Giáo dục và Đào tạo dự thảo Thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và lĩnh vực giáo dục và đào tạo của phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (thay thế Thông tư số 12/2020/TT-BGDĐT). Theo đó, tại dự thảo Thông tư nêu trên có một số điểm mới như sau:

a) Mở rộng thẩm quyền và phạm vi quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo

Theo dự thảo Thông tư, Sở Giáo dục và Đào tạo được giao tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện 07 nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, nay phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Nghị định 143/2025/NĐ-CP. Các nhiệm vụ bao gồm:

(1) Công nhận tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục mức độ 1 và mức độ 2, xóa mù chữ mức độ 1 đối với tỉnh;

(2) Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ;

(3) Chuyển đổi loại hình cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị thành lập sang cơ sở hoạt động không vì lợi nhuận;

(4) Phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài;

(5) Cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung quyết định cho phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam;

(6) Cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, cấp lại, chấm dứt hoạt động, thu hồi giấy phép thành lập văn phòng đại diện của tổ chức, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam;

(7) Đánh giá việc đảm bảo các điều kiện tổ chức dạy học tiếng dân tộc thiểu số.

Đáng chú ý, để phù hợp với quy định của Luật Nhà giáo ngày 16/6/2025, Nghị định số 150/2025/NĐ-CP trong việc tuyển dụng, sử dụng nhà giáo và cụ thể hóa việc phân định thẩm quyền của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Nghị định số

142/2025/NĐ-CP, Sở Giáo dục và Đào tạo được giao nhiệm vụ thực hiện toàn bộ việc tuyển dụng, quản lý, sử dụng, tiếp nhận, điều động, biệt phái, chuyển chuyên, thay đổi chức danh nghề nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, viên chức và người lao động trong tất cả các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh (*Trước đây, đối với cấp mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, nhiệm vụ này do Ủy ban nhân dân cấp huyện và Phòng Giáo dục và Đào tạo thực hiện*).

b) Dự thảo Thông tư cũng quy định cụ thể vai trò tham mưu của bộ phận chuyên môn về giáo dục - đào tạo thuộc Phòng Văn hóa - Xã hội cấp xã trong thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn, trong đó có 02 nhiệm vụ:

(1) Tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian công tác đến tuổi nghỉ hưu, miễn nhiệm, thôi giữ chức vụ, thay đổi vị trí việc làm, khen thưởng và kỷ luật đối với người đứng đầu và cấp phó người đứng đầu các cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý.

(2) Tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập hội đồng trường; công nhận, bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch hội đồng trường; bổ sung, thay thế thành viên hội đồng trường tại các cơ sở giáo dục công lập. Đồng thời, tham mưu quyết định công nhận hoặc không công nhận hội đồng trường, Chủ tịch, Phó Chủ tịch hội đồng trường, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng tại các cơ sở giáo dục tư thục thuộc phạm vi quản lý theo đúng tiêu chuẩn chức danh và thủ tục pháp luật quy định.

Đây cũng là hai nhiệm vụ mới của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025, Nghị định số 150/2025/NĐ-CP trong việc phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền. Dự thảo Thông tư đã được thẩm định theo quy định, hiện nay đang được hoàn thiện, dự kiến ban hành trước ngày 30/7/2025.

Việc xác định rõ phạm vi tham mưu và giới hạn thẩm quyền của cấp xã là bước đi cần thiết nhằm hoàn thiện cơ chế phân cấp trong quản lý giáo dục, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi chính sách tại địa phương./.

Phần 2.

PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP TRONG GIÁO DỤC MẦM NON

1. ĐỐI VỚI CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG CẤP TỈNH

1.1. Đối với Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh

Không quy định

1.2. Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh

1.2.1. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh

- Công nhận tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục mức độ 1 và mức độ 2, xóa mù chữ mức độ 1 đối với tỉnh quy định tại Điều 25 Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 143/2025/NĐ-CP); *thẩm quyền này trước đây giao cho Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.*

- Cho phép thành lập, giải thể, chấm dứt hoạt động cơ sở giáo dục mầm non do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị quy định tại Điều 40 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 124/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ (quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 143/2025/NĐ-CP); *thẩm quyền này trước đây giao cho Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.*

- Chuyển đổi loại hình cơ sở giáo dục mầm non do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị thành lập sang cơ sở hoạt động không vì lợi nhuận quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục (quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 143/2025/NĐ-CP); *thẩm quyền này trước đây giao cho Bộ Giáo dục và Đào tạo.*

(03 thẩm quyền trên được quy định tại Nghị định số 143/2025/NĐ-CP).

- Chuyển đổi loại hình cơ sở giáo dục mầm non tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư và đảm bảo điều kiện hoạt động theo điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục (quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP); *thẩm quyền này trước đây giao cho UBND cấp tỉnh.*

(01 thẩm quyền trên được quy định tại Nghị định số 142/2025/NĐ-CP).

1.2.2. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Quyết định thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể, chuyển đổi loại hình các cơ sở giáo dục theo quy định. - Chỉ đạo và tổ chức kiểm tra, thanh tra Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc thực hiện pháp luật về giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Chỉ đạo và tổ chức giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân liên quan về giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Thực hiện trách nhiệm quản lý công tác xử lý vi phạm hành chính về giáo dục theo quy định của pháp luật;

- Chỉ đạo và tổ chức kiểm tra việc cấp, sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác cho giáo dục trên địa bàn tỉnh;

- Chỉ đạo và tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về chế độ, chính sách đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ lãnh đạo, quản lý, viên chức và người lao động tại các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý;

- Chỉ đạo và kiểm tra việc bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với các hệ thống công nghệ thông tin và cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực giáo dục tại địa phương.

- Quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp đối với sự nghiệp phát triển giáo dục trên địa bàn.

- Chỉ đạo, tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và phát triển chính phủ số trong lĩnh vực giáo dục tại địa phương theo chiến lược, kế hoạch và các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Chính phủ; chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác thống kê, thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về lĩnh vực giáo dục của địa phương với Bộ Giáo dục và Đào tạo.

(các trách nhiệm trên quy định tại Nghị định số 142/2025/NĐ-CP)

1.3. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo

1.3.1. Thẩm quyền của Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện chuyên môn đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 22 Quy chế tổ chức và hoạt động nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập loại hình dân lập và tư thục ban hành kèm theo Thông tư số 49/2021/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (quy định tại khoản 1 Điều 22 Thông tư số 09/2025/TT-BGDĐT); *thẩm quyền này trước đây giao cho Phòng Giáo dục và Đào tạo.*

2. Hướng dẫn Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo quy định tại khoản 3 Mục VII Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo ban hành kèm theo Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 09/2025/TT-BGDĐT; *thẩm quyền này trước đây giao cho Phòng Giáo dục và Đào tạo.*

3. Hướng dẫn thực hiện Chương trình giáo dục mầm non quy định tại khoản 1 Phần Bốn của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, (được quy định tại Điều 11 Thông tư số 09/2025/TT-BGDĐT); *thẩm quyền này trước đây giao cho Phòng Giáo dục và Đào tạo.*

1.3.2. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo

Tham mưu, giúp việc cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục tại địa phương, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác quản lý nhà nước về giáo dục và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra các hoạt động về nội dung, chương trình, chức hoạt động và quản lý cơ sở giáo dục. Cụ thể:

- Hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh; công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ, xây dựng trường chuẩn quốc gia và xây dựng xã hội học tập trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ và đánh giá chất lượng giáo dục đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh;

- Chịu trách nhiệm giải trình về hoạt động giáo dục, chất lượng giáo dục, quản lý nhà giáo và người học, thực hiện chính sách phát triển giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý trước Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và toàn xã hội;

- Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với người có chức danh theo dõi giáo dục thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền việc thành lập, cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, tổ chức lại, sáp nhập, chia, tách, giải thể, chuyển đổi loại hình các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về giáo dục theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật;

- Chỉ đạo, hướng dẫn công tác tuyển sinh;

- Quản lý các hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường và ngoài nhà trường; chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, an toàn trường học; thực hiện và chỉ đạo thực hiện công tác truyền thông giáo dục trên địa bàn;

- Chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện hiệu quả chính sách giáo dục hòa nhập theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; đảm bảo các điều kiện tối thiểu đáp ứng yêu cầu giáo dục hòa nhập tại địa phương; vận động và tổ chức, tạo điều kiện để người khuyết tật học hòa nhập tại cơ sở giáo dục;

- Hướng dẫn quản lý nhà nước về giáo dục cho Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục của Sở Giáo dục và Đào tạo;

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục tổ chức đánh giá mức độ chuyển đổi số của đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý; cập nhật, công bố kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục trên Cổng thông tin điện tử và các phương tiện thông tin đại chúng bảo đảm tính bảo mật, toàn vẹn và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu giáo dục trong phạm vi được phân quyền;

- Tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ quan chuyên môn quản lý giáo dục ở địa phương và chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi số theo quy định.

2. ĐỐI VỚI CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG CẤP XÃ

2.1. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã

2.1.1. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã

- Xét duyệt, thẩm định hồ sơ và lập danh sách cơ sở giáo dục mầm non được hưởng chính sách quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non (quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP); *thẩm quyền này trước đây giao cho UBND cấp huyện.*

- Xét duyệt, thẩm định hồ sơ và lập danh sách trẻ em mầm non được hưởng chính sách quy định tại Điều 7 và Điều 8 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP (quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP); *thẩm quyền này trước đây giao cho UBND cấp huyện.*

- Xét duyệt, thẩm định hồ sơ và lập danh sách GV mầm non được hưởng chính sách quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, (quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP); *thẩm quyền này trước đây giao cho UBND cấp huyện.*

- Tổ chức thực hiện các quy định về biển tên trường tại Điều 5; quản lý cơ sở giáo dục mầm non tại Điều 6 Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, (quy định tại Điều 5 Thông tư số 09/2025/TT-BGDĐT); *thẩm quyền này trước đây giao cho UBND cấp huyện và phòng Giáo dục và Đào tạo.*

- Kiểm tra điều kiện bảo đảm chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của các cơ sở giáo dục mầm non độc lập trên địa bàn thay thế thẩm quyền của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Điều 21, tên Điều 22 Thông tư số 49/2021/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 09/2025/TT-BGDĐT); *thẩm quyền này trước đây giao cho Sở Giáo dục và Đào tạo và Phòng Giáo dục và Đào tạo.*

- Tổ chức thực hiện quy định lựa chọn đồ chơi học liệu được sử dụng trong cơ sở giáo dục mầm non thay thế thẩm quyền của Phòng Giáo dục và Đào tạo tại Điều 13, Điều 14 Thông tư số 47/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc lựa chọn đồ chơi, học liệu được sử dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non, (quy định tại Điều 7 Thông tư số 09/2025/TT-BGDĐT); *thẩm quyền này trước đây giao cho Phòng Giáo dục và Đào tạo.*

- Tổ chức thực hiện quy định xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục mầm non, thay thế thẩm quyền của Phòng Giáo dục và Đào tạo, tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục mầm non, (quy định tại Điều 8 Thông tư số 09/2025/TT-BGDĐT); *thẩm quyền này trước đây giao cho Phòng Giáo dục và Đào tạo.*

- Tổ chức thực hiện quy định việc biên soạn, thẩm định, phê duyệt và lựa chọn tài liệu để sử dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non, thay thế thẩm quyền Phòng Giáo dục và Đào tạo tại Điều 14, Điều 15 Thông tư số 30/2021/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc biên soạn, thẩm định, phê duyệt và lựa chọn tài liệu để sử dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non (quy định tại Điều 9 Thông tư số 09/2025/TT-BGDĐT); *thẩm quyền này trước đây giao cho Phòng Giáo dục và Đào tạo.*

- Tổ chức thực hiện Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo, thay thế thẩm quyền của Phòng Giáo dục và Đào tạo, tại khoản 3 Mục VII Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT (quy định tại Điều 10 Thông tư số 09/2025/TT-BGDĐT); *thẩm quyền này trước đây giao cho Phòng Giáo dục và Đào tạo.*

2.1.2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

- Xây dựng kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, chính sách phát triển giáo dục mầm non.

- Về cơ sở vật chất cho giáo dục: Quyết định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, kế hoạch phát triển giáo dục trên địa bàn trong phạm vi được phân quyền quản lý; Quyết định đầu tư hoặc tham gia đầu tư xây dựng các trường mầm non; phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền xây dựng trường chuẩn quốc gia, kế hoạch sử dụng đất dành cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn; Quản lý và tổ chức sử dụng có hiệu quả công sở, tài sản, phương tiện làm việc và ngân sách nhà nước được giao trên địa bàn theo quy định của pháp luật; bảo đảm đủ các điều kiện về tài chính, tài sản, cơ sở vật chất và quỹ đất theo quy định về phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi của cấp có thẩm quyền; tăng cường chính sách xã hội hóa giáo dục, huy động các nguồn lực để phát triển giáo dục trên địa bàn; Quyết định phân bổ, giao dự toán ngân sách đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; duyệt quyết toán, thông báo quyết toán năm và tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách của các cơ sở giáo dục trực thuộc; trình cấp có thẩm quyền hướng dẫn, kiểm tra việc cấp, sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn theo quy định. Chịu trách nhiệm chi trả (hoặc uỷ quyền cho cơ sở giáo dục chi trả), quyết toán kinh phí miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí theo quy định của pháp luật.

- Về đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức và người lao động: Đề xuất nhu cầu đội ngũ nhà giáo trong phạm vi quản lý, báo cáo cấp có thẩm quyền; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc hướng dẫn thực hiện công tác sử dụng, quản lý, thực hiện chính sách phát triển đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo thẩm quyền.

2.2. Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

2.2.1. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

- Thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường mầm non quy định tại khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 7, khoản 2 Điều 8 và khoản 2 Điều 9 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy

định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục (quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP); *thẩm quyền này trước đây giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.*

- Thành lập hoặc cho phép thành lập, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập quy định tại khoản 1 Điều 11, khoản 2 Điều 12, khoản 1 Điều 13 và khoản 2 Điều 14 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP, (quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP); *(không thay đổi thẩm quyền)*

- Chuyển đổi đối với trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư và bảo đảm điều kiện hoạt động quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP (quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP); *thẩm quyền này trước đây giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện.*

- Thành lập trường mầm non; thành lập Hội đồng trường trường mầm non công lập, công nhận thành lập Hội đồng trường trường mầm non dân lập, tư thục; bổ nhiệm, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng trường mầm non công lập, công nhận Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng trường mầm non dân lập, tư thục quy định tại Điều 6, Điều 9, Điều 10 Điều lệ Trường mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (quy định tại Điều 5 Thông tư số 09/2025/TT-BGDĐT); *thẩm quyền này trước đây giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.*

2.2.2. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

- Chỉ đạo, tổ chức lập kế hoạch xây dựng, đầu tư cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn theo quy định; báo cáo cấp có thẩm quyền tình hình vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng tài trợ của cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý.

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác xóa mù chữ và củng cố chất lượng phổ cập giáo dục; phối hợp triển khai Chương trình Giáo dục mầm non; huy động tối đa người trong độ tuổi đi học để bảo đảm phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ, tạo điều kiện cho mọi người được học tập suốt đời.

- Về tổ chức hoạt động và quản lý cơ sở giáo dục: Chỉ đạo, tổ chức thực hiện quyền tự chủ, chịu trách nhiệm giải trình về thực hiện nhiệm vụ, bảo đảm chất lượng giáo dục, hoạt động giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý; Quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể, chuyển đổi loại hình các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của Nghị định số 142/2025/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật có liên quan; Chỉ đạo, hướng dẫn công tác tuyển sinh đầu cấp thuộc thẩm quyền quản lý; thực hiện công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ và xây dựng xã hội học tập trên địa bàn; chỉ

đạo, hướng dẫn, giám sát các trường trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý triển khai công tác đánh giá chất lượng giáo dục, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng để không ngừng duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục theo quy định; tiếp nhận hồ sơ đánh giá chất lượng giáo dục của các trường trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý để thẩm định trước khi gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo; Tổ chức quản lý cơ sở giáo dục mầm non; Chịu trách nhiệm giải trình về hoạt động giáo dục, chất lượng giáo dục, quản lý nhà giáo và người học, thực hiện chính sách phát triển giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý trước UBND cấp tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo và toàn xã hội; Thực hiện công tác truyền thông giáo dục trên địa bàn.

- Kiểm tra trong lĩnh vực giáo dục: Chỉ đạo, tổ chức kiểm tra việc tuân thủ pháp luật đối với các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp xã; Chỉ đạo, thực hiện giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo và xử lý vi phạm về giáo dục đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật; Chỉ đạo, tổ chức kiểm tra điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục của các cơ sở giáo dục trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý; Chỉ đạo, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác quản lý nhà giáo, CBQL cơ sở giáo dục, viên chức, người lao động tại các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý.

- Quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp đối với sự nghiệp phát triển giáo dục trên địa bàn.

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện cập nhật thông tin, dữ liệu vào hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, kịp thời và khả năng kết nối, liên thông dữ liệu với các hệ thống liên quan; thực hiện công tác thống kê, báo cáo định kỳ và đột xuất, công khai trong lĩnh vực giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý.

- Chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và phát triển chính phủ số trong lĩnh vực giáo dục; các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với các hệ thống CNTT và cơ sở dữ liệu giáo dục trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

Phần 3.

PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

1. ĐỐI VỚI CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG CẤP TỈNH

1.1. Đối với Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh

(Không quy định)

1.2. Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh

1.2.1. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Công nhận tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục mức độ 1 và mức độ 2, xóa mù chữ mức độ 1 đối với tỉnh quy định tại Điều 25 Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, *thẩm quyền này trước đây giao cho Bộ Giáo dục và Đào tạo.*

- Chuyển đổi loại hình cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị thành lập sang cơ sở hoạt động không vì lợi nhuận quy định tại Điều 6 và Điều 7 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục, *thẩm quyền này trước đây giao cho Bộ Giáo dục và Đào tạo.*

(02 thẩm quyền trên được quy định tại Nghị định số 143/2025/NĐ-CP).

- Thành lập hoặc cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông quy định tại khoản 1 Điều 26, khoản 2 Điều 30 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP, *giữ nguyên thẩm quyền.*

- Chuyển đổi đối với trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư và bảo đảm điều kiện hoạt động và cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư và bảo đảm điều kiện hoạt động quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP, *thẩm quyền này trước đây giao cho UBND cấp tỉnh.*

- Thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú quy định tại khoản 1 Điều 54, điểm b khoản 2 Điều 57 và điểm b khoản 3 Điều 57 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP, *giữ nguyên thẩm quyền.*

- Thành lập hoặc cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường trung học phổ thông chuyên quy định tại khoản 1 Điều 71 và khoản 2 Điều 74 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP, *giữ nguyên thẩm quyền.*

- Thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao đặt trên địa bàn tỉnh quy định tại khoản 1 Điều 76, điểm b khoản 2 Điều 79 và điểm b khoản 3 Điều 79 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP, *giữ nguyên thẩm quyền*.

- Thành lập hoặc cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường dành cho người khuyết tật và thành lập hoặc cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường trung học phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông quy định tại khoản 1 Điều 81, điểm b khoản 2 Điều 84, điểm b khoản 3 Điều 84 và khoản 2 Điều 85 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP, *giữ nguyên thẩm quyền*.

(Các thẩm quyền trên được quy định tại Nghị định số 142/2025/NĐ-CP).

1.2.2. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Quyết định thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể, chuyển đổi loại hình các cơ sở giáo dục theo quy định của *Nghị định số 142/2025/NĐ-CP* và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Chỉ đạo và tổ chức kiểm tra, thanh tra Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc thực hiện pháp luật về giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Chỉ đạo và tổ chức giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân liên quan về giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Thực hiện trách nhiệm quản lý công tác xử lý vi phạm hành chính về giáo dục theo quy định của pháp luật;

- Chỉ đạo và tổ chức kiểm tra việc cấp, sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác cho giáo dục trên địa bàn tỉnh;

- Chỉ đạo và tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về chế độ, chính sách đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ lãnh đạo, quản lý, viên chức và người lao động tại các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý;

- Chỉ đạo và kiểm tra việc bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với các hệ thống công nghệ thông tin và cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực giáo dục tại địa phương.

- Quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp đối với sự nghiệp phát triển giáo dục trên địa bàn.

- Chỉ đạo, tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và phát triển chính phủ số trong lĩnh vực giáo dục tại địa phương theo chiến lược,

kế hoạch và các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Chính phủ; chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác thống kê, thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về lĩnh vực giáo dục của địa phương với Bộ Giáo dục và Đào tạo.

(Các trách nhiệm trên được quy định tại Nghị định số 142/2025/NĐ-CP).

1.3. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo

1.3.1. Thẩm quyền của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo

- Cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục đối với trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 2 Điều 29 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP giữ nguyên thẩm quyền.

- Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông quy định tại khoản 1 Điều 56 và điểm b khoản 1 Điều 57 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP giữ nguyên thẩm quyền.

- Cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục trường trung học phổ thông chuyên quy định tại khoản 1 Điều 73 và khoản 1 Điều 74 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP giữ nguyên thẩm quyền.

- Cho phép trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao thuộc địa phương hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục trường năng khiếu nghệ thuật, thể dục, thể thao thuộc địa phương quy định tại khoản 1 Điều 78 và điểm b khoản 1 Điều 79 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP giữ nguyên thẩm quyền.

- Cho phép trường dành cho người khuyết tật hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục trường dành cho người khuyết tật quy định tại khoản 1 Điều 83 và điểm b khoản 1 Điều 84 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP giữ nguyên thẩm quyền.

(Các thẩm quyền trên được quy định tại Nghị định số 142/2025/NĐ-CP).

1.3.2. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo

Tham mưu, giúp việc cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục tại địa phương, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác quản lý nhà nước về giáo dục và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra các hoạt động về nội dung, chương trình, chức hoạt động và quản lý cơ sở giáo dục. Cụ thể:

- Hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh; công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ, xây dựng trường chuẩn quốc gia và xây dựng xã hội học tập trên địa bàn

tỉnh; hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ và đánh giá chất lượng giáo dục đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh;

- Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với người có chức danh theo dõi giáo dục thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền việc thành lập, cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, tổ chức lại, sáp nhập, chia, tách, giải thể, chuyển đổi loại hình các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

- Tổ chức quản lý cơ sở giáo dục thường xuyên (trừ trung tâm học tập cộng đồng); cơ sở giáo dục nghề nghiệp; cơ sở giáo dục có cấp trung học phổ thông; cơ sở giáo dục chuyên biệt và các cơ sở giáo dục khác trên địa bàn;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về giáo dục theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật;

- Chỉ đạo, hướng dẫn công tác tuyển sinh, thi, cấp, thu hồi giấy chứng nhận, văn bằng, chứng chỉ;

- Quản lý các hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường và ngoài nhà trường; chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, an toàn trường học; tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; thực hiện và chỉ đạo thực hiện công tác truyền thông giáo dục trên địa bàn;

- Chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện hiệu quả chính sách giáo dục hòa nhập theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; đảm bảo các điều kiện tối thiểu đáp ứng yêu cầu giáo dục hòa nhập tại địa phương; vận động và tổ chức, tạo điều kiện để người khuyết tật học hòa nhập tại cơ sở giáo dục;

- Hướng dẫn quản lý nhà nước về giáo dục cho Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục của Sở Giáo dục và Đào tạo;

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng nội dung phối hợp quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục có liên quan của trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông trên địa bàn;

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục tổ chức đánh giá mức độ chuyển đổi số của đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý; cập nhật, công bố kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục trên Cổng thông tin điện tử và các

phương tiện thông tin đại chúng bảo đảm tính bảo mật, toàn vẹn và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu giáo dục trong phạm vi được phân quyền;

- Tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ quan chuyên môn quản lý giáo dục ở địa phương và chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi số theo quy định và bộ chỉ số do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

(Các trách nhiệm trên được quy định tại Nghị định số 142/2025/NĐ-CP).

- Rà soát hồ sơ lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý theo quy định; rà soát báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả lựa chọn và danh mục sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục lựa chọn theo quy định tại khoản 1 Điều này; tổng hợp kết quả, lập danh mục sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục lựa chọn (kèm theo hồ sơ lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục theo quy định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.

(Trách nhiệm trên được quy định tại Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT).

2. ĐỐI VỚI CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG CẤP XÃ

2.1. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã

2.1.1. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã

- Tiếp nhận, giới thiệu về trường nơi cư trú, kiểm tra hồ sơ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 và khoản 1 Điều 11 Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT (Ủy ban nhân dân cấp xã của trường nơi đến), *thẩm quyền này trước đây giao cho Phòng Giáo dục và Đào tạo.*

- Tổ chức thực hiện quy định giáo dục hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn quy định tại khoản 2 Điều 23 tại Quy định giáo dục hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn ban hành kèm theo Thông tư số 39/2009/TT-BGDĐT, *thẩm quyền này trước đây giao cho UBND cấp huyện.*

- Quản lý, tổ chức thực hiện chi trả học bổng và hỗ trợ chi phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật tại các gạch đầu dòng thứ nhất và thứ ba điểm b khoản 2 Điều 8 Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC, *thẩm quyền này trước đây giao cho UBND cấp huyện.*

- Chỉ đạo các nhà trường trên cùng địa bàn nghiệm thu, bàn giao kết quả giáo dục HS quy định tại khoản 3 Điều 12 Quy định đánh giá HS tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT *thẩm quyền này trước đây giao cho UBND cấp huyện.*

- Tổ chức thực hiện đánh giá HS tiểu học trên địa bàn quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT *thẩm quyền này trước đây giao cho UBND cấp huyện.*

- Chỉ đạo hiệu trưởng tổ chức thực hiện đánh giá, nghiệm thu, bàn giao kết quả giáo dục và theo dõi, kiểm tra, giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện đánh giá HS tiểu học trên địa bàn quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 14 Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT *thẩm quyền này trước đây giao cho UBND cấp huyện.*

- Chỉ đạo việc tổ chức thực hiện đánh giá HS trung học cơ sở; chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục sử dụng Sổ theo dõi và đánh giá HS (theo lớp học), Sổ theo dõi và đánh giá HS (của GV), Học bạ HS; hướng dẫn sử dụng dạng hồ sơ điện tử; kiểm tra, giải quyết vướng mắc trong quá trình thực hiện quy định đánh giá HS trung học cơ sở quy định tại Điều 17 Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT *thẩm quyền này trước đây giao cho UBND cấp huyện.*

- Quản lý trường tiểu học và thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục đối với các loại hình trường, lớp tiểu học quy định tại Điều 6 Điều lệ trường tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT *thẩm quyền này trước đây giao cho UBND cấp huyện.*

- Quản lý trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 6 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT *thẩm quyền này trước đây giao cho UBND cấp huyện.*

- Quản lý trường phổ thông dân tộc bán trú quy định tại Điều 7 Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc bán trú ban hành kèm theo Thông tư số 03/2023/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo *thẩm quyền này trước đây giao cho UBND cấp huyện.*

- Quản lý trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú ban hành kèm theo Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo *thẩm quyền này trước đây giao cho UBND cấp huyện.*

- Thực hiện quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên quy định tại Điều 13, Điều 14 Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT *thẩm quyền này trước đây giao cho UBND cấp huyện và phòng Giáo dục và Đào tạo.*

- Quản lý trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở loại hình tư thục quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT *thẩm quyền này trước đây giao cho UBND cấp huyện.*

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện việc tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một; tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, nguồn lực, kinh phí để đảm bảo các điều kiện tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một quy định tại khoản 3 Điều 20, Điều 22 Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT *thẩm quyền này trước đây giao cho UBND cấp huyện.*

- Rà soát hồ sơ lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục cấp tiểu học và trung học cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT *thẩm quyền này trước đây giao cho Phòng Giáo dục và Đào tạo.*

- Xét công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở quy định tại Điều 12 Quy chế xét công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở ban hành kèm theo Thông tư số 31/2023/TT-BGDĐT *thẩm quyền này trước đây giao cho Phòng Giáo dục và Đào tạo.*

- Hướng dẫn, kiểm tra, quản lý việc tổ chức dạy học và giáo dục HS khuyết tật (đối với cả loại hình công lập và tư thục); bố trí biên chế và kinh phí để tuyển dụng, hợp đồng GV, viên chức đối với vị trí việc làm khác, lao động hợp đồng, đầu tư cơ sở vật chất (đối với loại hình công lập) của: Trường giáo dục chuyên biệt, trường có Lớp giáo dục chuyên biệt cấp trung học phổ thông hoặc có Lớp giáo dục chuyên biệt học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông quy định tại Điều 28 và Điều 29 Thông tư số 27/2024/TT *thẩm quyền này trước đây giao cho UBND cấp huyện và phòng Giáo dục và Đào tạo.*

- Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trên địa bàn; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn; xử lý hoặc kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm; thực hiện giám sát, kiểm tra việc tuân thủ quy định của pháp luật về thời giờ làm việc, giờ làm thêm và các quy định của pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ của các tổ chức, cá nhân dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường quy định tại Điều 10 Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT *thẩm quyền này trước đây giao cho UBND cấp huyện và phòng Giáo dục và Đào tạo.*

- Chỉ đạo, quản lý công tác tuyển sinh trung học cơ sở quy định tại Điều 17 Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT *thẩm quyền này trước đây giao cho UBND cấp huyện.*

(Các thẩm quyền trên được quy định tại Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT).

2.1.2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

- Trình Hội đồng nhân dân xã phê duyệt kế hoạch, ngân sách giáo dục hoà nhập và đưa vào kế hoạch phát triển giáo dục chung của địa phương.

- Phân công cán bộ phụ trách về công tác giáo dục hoà nhập; kiểm tra, đánh giá và hỗ trợ giáo dục hoà nhập đối với các cơ sở giáo dục thuộc quyền quản lý.

- Thành lập nhóm cán bộ cốt cán về giáo dục hoà nhập; hợp đồng lao động với nhân viên hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục hòa nhập.

- Theo dõi, kiểm tra, phát hiện những khó khăn vướng mắc và có biện pháp hỗ trợ hiệu quả, phù hợp với điều kiện của địa phương trong quá trình thực hiện; kịp thời khen thưởng, biểu dương tập thể, cá nhân thực hiện tốt nhằm phát huy những kết quả đạt được trong việc tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn; báo cáo kết quả thực hiện về Sở Giáo dục và Đào tạo sau khi kết thúc thời gian dạy học.

- Hướng dẫn, kiểm tra các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý tổ chức lựa chọn sách giáo khoa. Rà soát hồ sơ lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý; tổng hợp, báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo danh mục lựa chọn sách giáo khoa của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý thông báo danh mục sách giáo khoa đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đến GV, HS, cha mẹ HS; hướng dẫn sử dụng sách giáo khoa theo quy định.

- Đề xuất dự toán với cấp có thẩm quyền để bố trí nguồn kinh phí, cơ sở vật chất để các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý tổ chức lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Thực hiện kiểm tra các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý về việc tổ chức lựa chọn và sử dụng sách giáo khoa theo quy định của pháp luật.

- Bảo đảm nguồn kinh phí và các điều kiện để tổ chức xét công nhận tốt nghiệp;

- Ra Quyết định thành lập Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở; Ra Quyết định công nhận tốt nghiệp và công bố danh sách HS được công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở, tổ chức cấp phát bằng tốt nghiệp cho HS được công nhận tốt nghiệp;

- Lưu trữ hồ sơ đề nghị công nhận tốt nghiệp, danh sách HS được công nhận tốt nghiệp và hồ sơ quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở theo quy định; Báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo kết quả xét công nhận tốt nghiệp và danh sách HS được công nhận tốt nghiệp hằng năm.

- Chỉ đạo công tác tuyển sinh trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lý; Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh Trung học cơ sở; Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo tuyển sinh trung học cơ sở; phê duyệt kế hoạch tuyển sinh trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lý; Xử lý hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xử lý những trường hợp bất thường trong quá trình tổ chức tuyển sinh trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lý; Chỉ đạo công tác kiểm tra việc tuyển sinh trung học cơ sở thuộc phạm vi quản lý; Lưu trữ hồ sơ tuyển sinh trung học cơ sở theo quy định của pháp luật; Thực hiện thống kê, thông tin, báo cáo về công tác tuyển sinh trung học cơ sở khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

- Chỉ đạo các ban, ngành phối hợp với cơ sở giáo dục trên địa bàn điều tra, phát hiện, can thiệp sớm và thực hiện có hiệu quả giáo dục hòa nhập tại địa phương; Xây dựng kế hoạch giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật trên địa bàn; Thực hiện hiệu quả chính sách giáo dục hòa nhập theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; vận động và tổ chức, tạo điều kiện để người khuyết tật học hòa nhập tại cơ sở giáo dục; Chỉ đạo thực hiện Chương trình, kế hoạch, quy hoạch phát triển giáo dục hòa nhập tại địa phương; Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quy định về giáo dục hòa nhập tại địa phương; Báo cáo định kỳ kết quả thực hiện giáo dục hòa nhập với sở giáo dục và đào tạo và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(Các trách nhiệm trên được quy định tại Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT).

2.2. Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

2.2.1. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

- Thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường tiểu học quy định tại khoản 1 Điều 16, khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 19, khoản 2 Điều 20 và khoản 2 Điều 21 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP *thẩm quyền này trước đây giao cho Chủ tịch UBND cấp huyện.*

- Cho phép, đình chỉ, thu hồi quyết định cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học quy định tại khoản 1 Điều 23 và điểm a khoản 2 Điều 24 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP *thẩm quyền này trước đây giao 1 phần cho Chủ tịch UBND cấp huyện và 1 phần cho Chủ tịch UBND cấp xã.*

- Thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều 30 và khoản 2 Điều 31 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP *thẩm quyền này trước đây giao cho Chủ tịch UBND cấp huyện.*

- Cấp văn bằng tốt nghiệp trung học cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 34 và khoản 2 Điều 45 Luật Giáo dục.

- Chuyển đổi đối với trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư và bảo đảm điều kiện hoạt động quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP *thẩm quyền này trước đây giao cho Chủ tịch UBND cấp huyện.*

- Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 56 và điểm b khoản 1 Điều 57 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP *thẩm quyền này trước đây giao cho Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo.*

- Thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể trường phổ thông dân tộc bán trú quy định tại khoản 1 Điều 59, khoản 1 Điều 61, điểm b khoản 1 Điều 62, điểm b khoản 2 Điều 62 và điểm b khoản 3 Điều 62 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP, *thẩm quyền này trước đây giao cho 1 phần cho Chủ tịch UBND cấp huyện và 1 phần cho Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo.*

- Thành lập hoặc cho phép thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 85 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP *CP thẩm quyền này trước đây giao cho Chủ tịch UBND cấp huyện.*

(Các thẩm quyền trên được quy định tại Nghị định số 142/2025/NĐ-CP)

- Thành lập trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở loại hình tư thục quy định tại khoản 1 Điều 5 Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục ban hành kèm theo Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT *thẩm quyền này trước đây giao cho Chủ tịch UBND cấp huyện.*

- Công nhận hội đồng trường và chủ tịch hội đồng trường đối với trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở loại hình tư thục quy định tại điểm b khoản 3 Điều 7 Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT *thẩm quyền này trước đây giao cho Chủ tịch UBND cấp huyện.*

- Công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đối với trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở loại hình tư thục quy định tại điểm a khoản 3 Điều 9 Thông tư số 40/2021/TT-BGDĐT *thẩm quyền này trước đây giao cho Chủ tịch UBND cấp huyện.*

- Thành lập Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở, quyết định công nhận tốt nghiệp, công bố danh sách HS được công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở, tổ chức cấp phát bằng tốt nghiệp cho HS được công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 7, Điều 8, khoản 2, khoản 7 Điều 14 Thông tư số

31/2023/TT-BGDĐT thẩm quyền này trước đây giao cho Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Thành lập Hội đồng tuyển sinh trung học cơ sở, phê duyệt kế hoạch tuyển sinh trung học cơ sở, phê duyệt danh sách trúng tuyển (trừ các trường trung học cơ sở thuộc đại học, trường đại học, viện nghiên cứu) quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6, khoản 1, khoản 3 Điều 7 Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT thẩm quyền này trước đây giao cho Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Cấp giấy giới thiệu chuyển trường đối với cấp trung học cơ sở tại điểm f khoản 1 Điều 5 Quy định chuyển trường và tiếp nhận HS học tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT. Xem xét, quyết định trường hợp ngoại lệ về thời gian chuyển trường đối với cấp trung học cơ sở (nơi đến) quy định tại khoản 3 Điều 5 Quyết định số 51/2002/QĐ-BGDĐT thẩm quyền này trước đây giao cho Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo.

(Các thẩm quyền trên được quy định tại Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT)

2.2.2. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

- Chỉ đạo, tổ chức lập kế hoạch xây dựng, đầu tư cho các cơ sở giáo dục trên địa bàn theo quy định; báo cáo cấp có thẩm quyền tình hình vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng tài trợ của cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý.

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác xóa mù chữ và củng cố chất lượng phổ cập giáo dục; phối hợp triển khai chương trình giáo dục mầm non, chương trình giáo dục phổ thông, cao nhất là cấp trung học cơ sở, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp tại địa phương; huy động tối đa người trong độ tuổi đi học để bảo đảm phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ, tạo điều kiện cho mọi người được học tập suốt đời.

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện quyền tự chủ, chịu trách nhiệm giải trình về thực hiện nhiệm vụ, bảo đảm chất lượng giáo dục, hoạt động giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý.

- Quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sáp nhập, chia, tách, giải thể, chuyển đổi loại hình các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

- Chỉ đạo, hướng dẫn công tác tuyển sinh đầu cấp thuộc thẩm quyền quản lý; thực hiện công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ và xây dựng xã hội học tập trên địa bàn.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát các trường trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý triển khai công tác đánh giá chất lượng giáo dục, xây dựng trường đạt

chuẩn quốc gia, thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng để không ngừng duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục theo quy định.

- Tiếp nhận hồ sơ đánh giá chất lượng giáo dục của các trường trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý để thẩm định trước khi gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Tham mưu cấp có thẩm quyền về chính sách hỗ trợ cho các trung tâm học tập cộng đồng hoạt động có hiệu quả, góp phần thực hiện tốt các mục tiêu phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương.

- Tổ chức quản lý cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục tiểu học, cơ sở giáo dục trung học cơ sở, trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn quản lý.

- Chịu trách nhiệm giải trình về hoạt động giáo dục, chất lượng giáo dục, quản lý nhà giáo và người học, thực hiện chính sách phát triển giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo và toàn xã hội.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan quản lý việc thực hiện quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn.

- Thực hiện công tác truyền thông giáo dục trên địa bàn.

- Chỉ đạo, tổ chức kiểm tra việc tuân thủ pháp luật đối với các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Chỉ đạo, thực hiện giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo và xử lý vi phạm về giáo dục đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo, tổ chức kiểm tra điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục của các cơ sở giáo dục trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý.

- Chỉ đạo, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác quản lý nhà giáo, CBQL cơ sở giáo dục, viên chức, người lao động tại các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý.

(Các trách nhiệm trên được quy định tại Nghị định số 142/2025/NĐ-CP).

Văn bản liên quan:

1. Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15

2. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15

3. Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ

4. Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ

5. Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Phần 4.

PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP TRONG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP - GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

1. ĐỐI VỚI CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG CẤP TỈNH

1.1. Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1.1.1. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đối với xã quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Thẩm quyền này trước đây giao cho Bộ Giáo dục và Đào tạo.

(01 thẩm quyền trên được quy định tại Nghị định số 142/2025/NĐ-CP).

1.1.2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp quy định tại Điều 7 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP. Thẩm quyền này trước đây giao cho Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

(01 trách nhiệm trên được quy định tại Nghị định số 142/2025/NĐ-CP).

1.2. Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1.2.1. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mức độ 1 và mức độ 2, xóa mù chữ mức độ 1 đối với tỉnh quy định tại Điều 25 Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Thẩm quyền này trước đây giao cho Bộ Giáo dục và Đào tạo.

(01 thẩm quyền trên được quy định tại Nghị định số 143/2025/NĐ-CP).

- Thành lập, đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập quy định tại khoản 1 Điều 33, khoản 2 Điều 34, khoản 2 Điều 35 và khoản 2 Điều 36 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. *Giữ nguyên thẩm quyền.*

- Thành lập, đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập quy định tại khoản 1 Điều 49, khoản 2 Điều 50, khoản 2 Điều 51 và khoản 2 Điều 52 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. *Giữ nguyên thẩm quyền.*

- Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn

quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. *Giữ nguyên thẩm quyền.*

- Thành lập hoặc cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp). *Thẩm quyền này trước đây giao cho Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.*

- Sáp nhập, chia, tách, giải thể hoặc cho phép sáp nhập, chia, tách, giải thể và đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; cho phép thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn quy định tại điểm c khoản 3 Điều 10, điểm d khoản 4 Điều 11 và điểm b khoản 2 Điều 13 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 7, khoản 9 Điều 1 Nghị định số 24/2022/NĐ-CP). *Thẩm quyền này trước đây giao cho Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.*

- Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp quy định tại Điều 12 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP. *Thẩm quyền này trước đây giao cho Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.*

- Cho phép thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật giáo dục nghề nghiệp. *Thẩm quyền này trước đây giao cho Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.*

- Cho phép sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài, chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 3 Điều 17, khoản 4 Điều 18, Điều 19 và khoản 2 Điều 20 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 và khoản 8 Điều 2 Nghị định số 24/2022/NĐ-CP). *Thẩm quyền này trước đây giao cho Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.*

- Cho phép thành lập, công nhận cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 15/2019/NĐ-CP. *Thẩm quyền này trước đây giao cho Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.*

(Các thẩm quyền trên được quy định tại Nghị định số 142/2025/NĐ-CP).

1.2.2. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Quyết định thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể, chuyển đổi loại hình các cơ sở giáo dục theo quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Chỉ đạo và tổ chức kiểm tra, thanh tra Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc thực hiện pháp luật về giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Chỉ đạo và tổ chức giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân liên quan về giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Thực hiện trách nhiệm quản lý công tác xử lý vi phạm hành chính về giáo dục theo quy định của pháp luật;

- Chỉ đạo và tổ chức kiểm tra việc cấp, sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác cho giáo dục trên địa bàn tỉnh;

- Chỉ đạo và tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về chế độ, chính sách đối với đội ngũ nhà giáo, cán bộ lãnh đạo, quản lý, viên chức và người lao động tại các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý;

- Chỉ đạo và kiểm tra việc bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với các hệ thống công nghệ thông tin và cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực giáo dục tại địa phương.

- Quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp đối với sự nghiệp phát triển giáo dục trên địa bàn.

- Chỉ đạo, tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và phát triển chính phủ số trong lĩnh vực giáo dục tại địa phương theo chiến lược, kế hoạch và các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Chính phủ; chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác thống kê, thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về lĩnh vực giáo dục của địa phương với Bộ Giáo dục và Đào tạo.

(Các trách nhiệm trên được quy định tại Nghị định số 142/2025/NĐ-CP).

1.3. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo

1.3.1. Thẩm quyền của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo

- Cho phép thành lập, đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thực quy định tại khoản 1 Điều 33, khoản 2 Điều 34, khoản 2 Điều 35 và khoản 2 Điều 36 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. Thẩm quyền này trước đây giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cho phép thành lập, đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên quy định tại điểm b khoản 1 Điều 44, khoản 2 Điều 45, khoản 2 Điều 46 và khoản 2 Điều 47 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. *Giữ nguyên thẩm quyền.*

- Cho phép thành lập, đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục quy định tại khoản 1 Điều 49, khoản 2 Điều 50, khoản 2 Điều 51 và khoản 2 Điều 52 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. *Giữ nguyên thẩm quyền.*

- Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp, cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 16, khoản 2 Điều 20 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 và khoản 16 Điều 1 Nghị định số 24/2022/NĐ-CP). *Thẩm quyền này trước đây giao cho Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.*

- Đình chỉ hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với các trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với các trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 21, điểm b khoản 2 Điều 22 Nghị định số 143/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 và khoản 18 Điều 1 Nghị định số 24/2022/NĐ-CP). *Thẩm quyền này trước đây giao cho Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.*

- Cấp giấy chứng nhận, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài, đình chỉ đối với hoạt động liên kết đào tạo của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp, chấm dứt hoạt động liên kết đào tạo quy định tại khoản 2 Điều 24, điểm b khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 6 Điều 26 và Điều 26a Nghị định số 15/2019/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 24/2022/NĐ-CP). *Thẩm quyền này trước đây giao cho Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.*

(Các thẩm quyền trên được quy định tại Nghị định số 142/2025/NĐ-CP).

- Chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ của trung tâm học tập cộng đồng quy định tại Điều 6 Quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn ban hành kèm theo Quyết định số 09/2008/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 3 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 40/2010/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi là Quyết định số 09/2008/QĐ-BGDĐT). *Thẩm quyền này trước đây giao cho Phòng Giáo dục và Đào tạo.*

- Đánh giá, công nhận xã đạt “Cộng đồng học tập” cấp xã quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 25/2023/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, công nhận “cộng đồng học tập” cấp xã, huyện, tỉnh (sau đây gọi là Thông tư số 25/2023/TT-BGDĐT). *Thẩm quyền này trước đây giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.*

(Các thẩm quyền trên được quy định tại Thông tư số 11/2025/TT-BGDĐT).

1.3.2. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo

Tham mưu, giúp việc cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục tại địa phương, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác quản lý nhà nước về giáo dục và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra các hoạt động về nội dung, chương trình, chức hoạt động và quản lý cơ sở giáo dục. Cụ thể:

- Hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh; công tác phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc, **xóa mù chữ**, xây dựng trường chuẩn quốc gia và **xây dựng xã hội học tập** trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ và đánh giá chất lượng giáo dục đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh;

- Quản lý về chuyên môn đối với việc thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên của các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trung tâm học tập cộng đồng, các trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên theo quy định. Chịu trách nhiệm giải trình về hoạt động giáo dục, chất lượng giáo dục, quản lý nhà giáo và người học, thực hiện chính sách phát triển giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý trước Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và toàn xã hội;

- Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với người có chức danh theo dõi giáo dục thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định của Chính phủ;

- Tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền việc thành lập, cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, tổ chức lại, sáp nhập, chia, tách, giải thể, chuyển đổi loại hình các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

- Quyết định thành lập hội đồng trường, công nhận, bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch hội đồng trường, bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng trường và quyết

định công nhận, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian công tác đến tuổi nghỉ hưu, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, biệt phái, thay đổi vị trí việc làm, khen thưởng, kỷ luật đối với người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh; công nhận, không công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường, phó chủ tịch hội đồng trường, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng các cơ sở giáo dục tư thục thuộc thẩm quyền quản lý theo tiêu chuẩn chức danh và thủ tục do pháp luật quy định;

- Tổ chức quản lý cơ sở giáo dục thường xuyên (trừ trung tâm học tập cộng đồng); cơ sở giáo dục nghề nghiệp; cơ sở giáo dục có cấp trung học phổ thông; cơ sở giáo dục chuyên biệt và các cơ sở giáo dục khác trên địa bàn;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về giáo dục theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật;

- Chỉ đạo, hướng dẫn công tác tuyển sinh, thi, cấp, thu hồi giấy chứng nhận, văn bằng, chứng chỉ;

- Chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện hiệu quả chính sách giáo dục hòa nhập theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; đảm bảo các điều kiện tối thiểu đáp ứng yêu cầu giáo dục hòa nhập tại địa phương; vận động và tổ chức, tạo điều kiện để người khuyết tật học hòa nhập tại cơ sở giáo dục;

- Hướng dẫn quản lý nhà nước về giáo dục cho Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục của Sở Giáo dục và Đào tạo;

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục tổ chức đánh giá mức độ chuyển đổi số của đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý; cập nhật, công bố kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục trên Cổng thông tin điện tử và các phương tiện thông tin đại chúng bảo đảm tính bảo mật, toàn vẹn và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu giáo dục trong phạm vi được phân quyền;

- Tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ quan chuyên môn quản lý giáo dục ở địa phương và chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý tổ chức tự đánh giá mức độ chuyển đổi số theo quy định và bộ chỉ số do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

(Các trách nhiệm trên được quy định tại Nghị định số 142/2025/NĐ-CP).

2. ĐỐI VỚI CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG CẤP XÃ

2.1. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã

2.1.1. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã

- Xem xét quyết định việc bố trí GV trường tiểu học hoặc trường trung học cơ sở làm việc tại trung tâm học tập cộng đồng quy định tại khoản 3 Điều 11; quyết định Giám đốc, Phó Giám đốc trung tâm học tập cộng đồng quy định tại khoản 2 Điều 12, khoản 1 Điều 13 Quyết định số 09/2008/QĐ-BGDĐT. *Thẩm quyền này trước đây giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện.*

- Tổ chức thực hiện chi trả học bổng chính sách và các khoản hỗ trợ khác cho HS, sinh viên học tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐTĐBXH-BGDĐT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách nội trú quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với HS, sinh viên học cao đẳng, trung cấp đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 30/10/2018 và Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTĐBXH ngày 29/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây gọi là Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐTĐBXH-BGDĐT-BTC). *Thẩm quyền này trước đây giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện.*

- Trực tiếp quản lý, chỉ đạo Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp công lập quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 05/2020/TT-BLĐTĐBXH ngày 16/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp công lập cấp huyện (sau đây gọi là Thông tư số 05/2020/TT-BLĐTĐBXH). *Thẩm quyền này trước đây giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện.*

(Các thẩm quyền trên được quy định tại Thông tư số 11/2025/TT-BGDĐT).

2.1.2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

- Thực hiện quản lý nhà nước về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ quy định tại Điều 38 Nghị định số 20/2014/NĐ-CP. *Trách nhiệm này trước đây giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện.*

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quyết định đầu tư hoặc tham gia đầu tư xây dựng các trung tâm học tập cộng đồng theo quy định. *Trách nhiệm này trước đây giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện.*

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý về tổ chức, nhân sự của trung tâm học tập cộng đồng (chỉ đạo thực hiện việc sử dụng, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện chính sách đối với đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức

và người lao động của trung tâm học tập cộng đồng thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định). *Trách nhiệm này trước đây giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện.*

(Các trách nhiệm trên được quy định tại Nghị định số 142/2025/NĐ-CP).

2.2. Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

2.2.1. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

- Thành lập hoặc cho phép thành lập, đình chỉ hoạt động, sáp nhập, chia, tách, giải thể trung tâm học tập cộng đồng quy định tại khoản 1 Điều 38, khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 40 và khoản 2 Điều 41 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. Thẩm quyền này trước đây giao cho Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thành lập trung tâm học tập cộng đồng công lập; Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo quyết định cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng tư thực.

(01 thẩm quyền trên được quy định tại Nghị định số 142/2025/NĐ-CP).

2.2.2. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

- Trách nhiệm quản lý về tổ chức, nhân sự của trung tâm học tập cộng đồng (chỉ đạo thực hiện việc sử dụng, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện chính sách đối với đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức và người lao động của trung tâm học tập cộng đồng thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định). Trách nhiệm này trước đây giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Trách nhiệm tham mưu cấp có thẩm quyền về chính sách hỗ trợ cho các trung tâm học tập cộng đồng hoạt động có hiệu quả, góp phần thực hiện tốt các mục tiêu phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương. *Trách nhiệm này trước đây giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện.*

- Trách nhiệm tổ chức quản lý trung tâm học tập cộng đồng trên địa bàn. *Trách nhiệm này trước đây giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện.*

(Các trách nhiệm trên được quy định tại Nghị định số 142/2025/NĐ-CP).

Phần 5.

PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, NHÂN SỰ QUẢN LÝ, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG NGÀNH GIÁO DỤC

1. ĐỐI VỚI CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG CẤP TỈNH

1.1. Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1.1.1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Tham mưu trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh theo quy định của pháp luật; ban hành chính sách để phát triển đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức và người lao động trên địa bàn tỉnh⁶.

- Ban hành đề án, kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức, người lao động trong các cơ sở giáo dục⁷.

- Ban hành kế hoạch hàng năm trên cơ sở tham mưu của Sở Giáo dục và Đào tạo theo kết quả báo cáo, đề xuất nâng trình độ chuẩn được đào tạo của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý và Ủy ban nhân dân cấp xã⁸. Nội dung quy định về kế hoạch lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo cũng đã được điều chỉnh tại Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 71/2020/NĐ-CP và hiện đang trình Chính phủ ban hành.

1.1.2. Trách nhiệm mới của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Khoản 1 Điều 15 Thông tư số 10/2025/Tt-BGDĐT quy định việc bố trí biên chế và kinh phí để tuyển dụng hợp đồng GV, viên chức đối với vị trí việc làm khác, lao động hợp đồng của trường giáo dục chuyên biệt, trường có lớp giáo dục chuyên biệt cấp THPT hoặc có lớp giáo dục chuyên biệt học chương trình giáo dục thường xuyên cấp THPT (loại hình công lập) do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện. Tức là bao gồm các cơ sở giáo dục chuyên biệt do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý trước đây.

⁶ Khoản 5 Điều 38 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

⁷ Điểm a khoản 4 Điều 40 Nghị định 142/2025/NĐ-CP.

⁸ Điều 33 Nghị định 142/2025/NĐ-CP.

1.2. Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền quyết định thành lập hội đồng trường, công nhận, bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch hội đồng trường, bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng trường; công nhận, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian công tác, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường trung cấp, trường cao đẳng, trường bồi dưỡng CBQL giáo dục tỉnh, trường đại học công lập trực thuộc tỉnh theo tiêu chuẩn chức danh và thủ tục do pháp luật quy định⁹.

Quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp đối với sự nghiệp phát triển giáo dục trên địa bàn¹⁰.

1.3. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo

1.3.1. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo

Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục. Đối với lĩnh vực đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức và người lao động ngành giáo dục, Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn như sau¹¹:

- Tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định vị trí việc làm, biên chế công chức của Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định của pháp luật; Tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định vị trí việc làm, tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh theo quy định của pháp luật; Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành đề án, kế hoạch phát triển đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức, người lao động trong các cơ sở giáo dục; chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh các chính sách đặc thù đối với đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức, người lao động trong các cơ sở giáo dục công lập;

- Thực hiện tuyển dụng, quản lý, sử dụng, bổ nhiệm, thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thay đổi chức danh nghề nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá đối với đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức và người lao động trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh theo quy định; chủ trì triển khai thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý các cơ sở giáo dục ngoài công lập trên địa bàn tỉnh theo quy định;

⁹ Khoản 3 Điều 39 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

¹⁰ Khoản 5 Điều 39 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP

¹¹ Điều 40 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.

- Bảo đảm đủ biên chế công chức quản lý giáo dục, đủ số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước, số lượng hợp đồng lao động theo đề án vị trí việc làm được phê duyệt, đáp ứng các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, chịu trách nhiệm giải trình về hoạt động giáo dục, chất lượng giáo dục, quản lý đội ngũ viên chức, người lao động và người học, thực hiện chính sách phát triển giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý;

- Tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hội đồng trường, công nhận, bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch hội đồng trường, bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng trường; công nhận, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian công tác, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, thay đổi vị trí việc làm, khen thưởng, kỷ luật đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trường trung cấp, trường cao đẳng, trường CBQL giáo dục trực thuộc tỉnh theo tiêu chuẩn chức danh và thủ tục do pháp luật quy định;

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch hàng năm về số lượng người làm việc của Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ sở giáo dục trực thuộc, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; phân bổ số lượng người làm việc theo vị trí việc làm cho các cơ sở giáo dục trực thuộc theo quy định; hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chính sách đối với viên chức và người lao động tại các cơ sở giáo dục do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý theo quy định.

1.3.2. Trách nhiệm mới của Sở Giáo dục và Đào tạo

Đối với lĩnh vực đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức và người lao động ngành giáo dục, có một số nội dung cụ thể chuyển từ chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp huyện và Phòng Giáo dục và Đào tạo trước đây về Sở Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

- Thực hiện tuyển dụng, quản lý, sử dụng, bổ nhiệm, thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thay đổi chức danh nghề nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá đối với đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức và người lao động trong các cơ sở giáo dục công lập **cấp mầm non, tiểu học, trung học cơ sở**¹².

- Chủ trì triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý các cơ sở giáo dục ngoài công lập **cấp mầm non, tiểu học, trung học cơ sở**¹³.

- Quyết định công nhận, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian công tác đến tuổi nghỉ hưu, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, biệt phái, thay đổi vị trí việc

¹² Điểm b khoản 4 Điều 40 Nghị định 142/2025/NĐ-CP

¹³ Điểm b khoản 4 Điều 40 Nghị định 142/2025/NĐ-CP

làm, khen thưởng, kỷ luật đối với người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các cơ sở giáo dục công lập **cấp mầm non, tiểu học, trung học cơ sở**¹⁴.

- Công nhận, bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch hội đồng trường, bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng trường các cơ sở giáo dục các **cấp học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở**¹⁵.

Quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập cấp mầm non, tiểu học, trung học cơ sở. Đồng thời, phải bảo đảm đủ số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước, số lượng hợp đồng lao động theo đề án vị trí việc làm được phê duyệt¹⁶.

- Đánh giá chuẩn hiệu trưởng, lựa chọn GV cốt cán các **cấp học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở** và trường phổ thông có cấp học cao nhất là cấp trung học cơ sở¹⁷.

2. ĐỐI VỚI CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG CẤP XÃ

2.1. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục trên địa bàn xã, phường, đặc khu và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra các hoạt động giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý¹⁸. Liên quan đến công tác quản lý đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức và người lao động ngành giáo dục, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn như sau¹⁹:

2.1.1. Đối với việc thực hiện chế độ, chính sách

- Xét duyệt, thẩm định hồ sơ và lập danh sách GV mầm non được hưởng chính sách quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP²⁰.

- Chỉ đạo việc thực hiện chính sách đối với đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức và người lao động của trung tâm học tập cộng đồng thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định²¹.

¹⁴ Điểm c khoản 6 Điều 40 Nghị định 142/2025/NĐ-CP

¹⁵ Điểm c khoản 6 Điều 40 Nghị định 142/2025/NĐ-CP

¹⁶ Điểm c khoản 4 Điều 40 Nghị định 142/2025/NĐ-CP

¹⁷ Khoản 1 các Điều 5,6,7,8 Thông tư số 12/2025/TT-BGDĐT

¹⁸ Khoản 4 Điều 41 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP

¹⁹ Nghị định 150/2025/NĐ-CP, Nghị định 142/2025/NĐ-CP, các Thông tư 10,11,12/2025/TT-BGDĐT

²⁰ Điều 7 Nghị định 142/2025/NĐ-CP

²¹ Điểm a khoản 4 Điều 41 Nghị định 142/2025/NĐ-CP

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc hướng dẫn thực hiện chính sách phát triển đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo thẩm quyền²².

2.1.2. Đối với quy định vị trí việc làm, định mức số lượng người làm việc

- Đề xuất nhu cầu đội ngũ nhà giáo trong phạm vi quản lý, báo cáo cấp có thẩm quyền²³.

- Bố trí biên chế và kinh phí để tuyển dụng, hợp đồng GV, viên chức đối với các vị trí việc làm khác, lao động hợp đồng của trường có lớp giáo dục chuyên biệt cấp mầm non, tiểu học, trung học cơ sở hoặc có lớp giáo dục chuyên biệt học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở²⁴.

- Thành lập nhóm cán bộ cốt cán về giáo dục hòa nhập; hợp đồng lao động đối với nhân viên hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục hòa nhập²⁵.

- Xem xét bố trí GV trường tiểu học hoặc trường trung học cơ sở làm việc ở trung tâm học tập cộng đồng; quyết định giám đốc, phó giám đốc trung tâm học tập cộng đồng²⁶.

2.1.3. Đối với công tác tuyển dụng, sử dụng, quản lý, bổ nhiệm, thăng hạng chức danh nghề nghiệp

- Quản lý về tổ chức, nhân sự của trung tâm học tập cộng đồng (chỉ đạo thực hiện việc sử dụng đối với đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức và người lao động của trung tâm học tập cộng đồng thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định)²⁷ - Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc hướng dẫn thực hiện công tác sử dụng, quản lý đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo thẩm quyền²⁸.

- Chỉ đạo thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ làm việc của GV mầm non (khoản 1 Điều 11 Thông tư 12/2025/NĐ-CP); hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện chế độ làm việc của GV tiểu học, trung học cơ sở²⁹.

- Sử dụng nhà giáo chưa đáp ứng trình độ chuẩn theo Thông tư 24/2020/TT-BGDĐT (chuyển trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện sang Ủy ban nhân dân cấp xã³⁰).

²² Điểm b khoản 4 Điều 41 Nghị định 142/2025/NĐ-CP

²³ Điểm b khoản 4 Điều 41 Nghị định 142/2025/NĐ-CP

²⁴ Khoản 2 Điều 15 Thông tư 10/2025/TT-BGDĐT

²⁵ Điểm a khoản 1 Điều 18 Thông tư 10/2025/TT-BGDĐT

²⁶ Khoản 2 Điều 5 Thông tư 11/2025/TT-BGDĐT

²⁷ Điểm a khoản 4 Điều 41 Nghị định 142/2025/NĐ-CP

²⁸ Điểm b khoản 4 Điều 41 Nghị định 142/2025/NĐ-CP

²⁹ Khoản 8 Điều 11 Thông tư số 12/2025/TT-BGDĐT

³⁰ Khoản 3 Điều 11 Thông tư 12/2025/TT-BGDĐT

2.1.4. Đối với quy định về đánh giá, các hội thi

- Chỉ đạo thực hiện việc đánh giá đối với đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức và người lao động của trung tâm học tập cộng đồng thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định³¹.

- Tổ chức thực hiện các hội thi GV dạy giỏi, GV chủ nhiệm lớp giỏi, GV làm tổng phụ trách Đội giỏi cấp xã (thay cho hội thi cấp huyện trước đây). Đồng thời, chuyển đầy đủ chức năng, nhiệm vụ liên quan đến công tác tổ chức các hội thi từ Ủy ban nhân dân cấp huyện sang Ủy ban nhân dân cấp xã³².

2.1.5. Đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng

Chỉ đạo thực hiện đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức và người lao động của trung tâm học tập cộng đồng thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định³³.

2.1.6. Đối với công tác tôn vinh, khen thưởng

Thành lập hội đồng cấp xã xét tặng danh hiệu “Nhà giáo nhân dân”, “Nhà giáo ưu tú”³⁴.

2.2. Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

- Chỉ đạo, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác quản lý nhà giáo, CBQL cơ sở giáo dục, viên chức, người lao động tại các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý³⁵.

- Quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp đối với sự nghiệp phát triển giáo dục tại địa phương³⁶.

3. MỘT SỐ ĐIỂM LƯU Ý

1. Về một số điểm mới đối với trách nhiệm, quyền hạn và nhiệm vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo

1.1. Nghị định 150/2025/NĐ-CP giao Sở Giáo dục và Đào tạo: (1) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Giáo dục mầm non; giáo dục phổ thông; giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên; giáo dục đại học (nếu có) (khoản 9 Điều 8); (2) Hướng dẫn chuyên môn,

³¹ Điểm a khoản 4 Điều 41 Nghị định 142/2025/NĐ-CP

³² Điều 9,10 Thông tư số 12/2025/TT-BGDĐT

³³ Điểm a khoản 4 Điều 41 Nghị định 142/2025/NĐ-CP

³⁴ Điều 37 Nghị định 142/2025/NĐ-CP

³⁵ Điểm d khoản 4 Điều 42 Nghị định 142/2025/NĐ-CP

³⁶ Điểm d khoản 4 Điều 42 Nghị định 142/2025/NĐ-CP

ng nghiệp vụ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý đối với cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (khoản 8 Điều 4); (3) Chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã (khoản 2 Điều 11). Như vậy, vai trò của Sở Giáo dục và Đào tạo trong quản lý nhà nước đối với giáo dục nói chung và quản lý nhà nước đối với đội ngũ nhà giáo, CBQL cơ sở giáo dục, viên chức và người lao động trong cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, nghề nghiệp, thường xuyên, đại học (nếu có) hiện đã lớn hơn so với trước đây.

1.2. Nghị định 142/2025/NĐ-CP giao thẩm quyền trực tiếp cho Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện tuyển dụng, quản lý, sử dụng, bổ nhiệm, thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thay đổi chức danh nghề nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá đối với đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức và người lao động trong các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh theo quy định; chủ trì triển khai thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng đối với đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý các cơ sở giáo dục ngoài công lập trên địa bàn tỉnh *theo quy định* (điểm b khoản 4 Điều 40); chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch hằng năm về số lượng người làm việc của các cơ sở giáo dục trực thuộc, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; phân bổ số lượng người làm việc theo vị trí việc làm cho các cơ sở giáo dục trực thuộc *theo quy định* (điểm đ khoản 4 Điều 40).

Các quy định về phân quyền, phân cấp tại Nghị định 150/2025/NĐ-CP và Nghị định 142/2025/NĐ-CP hiện đang bảo đảm các chủ trương của Đảng và Nhà nước liên quan đến công tác quản lý nhà nước về giáo dục. Cụ thể là “*Các cơ quan quản lý giáo dục, đào tạo địa phương tham gia quyết định về quản lý nhân sự, tài chính cùng với quản lý thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp*” (tiểu mục 5 mục III Nghị quyết 29-NQ/TW); “*Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; tăng cường vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, đào tạo trong việc quyết định biên chế, tổ chức bộ máy, chính sách đối với nhà giáo và phân bổ ngân sách nhà nước cho ngành Giáo dục*” (mục 2 Kết luận 91-KL/TW). Đồng thời, các quy định này không mâu thuẫn, không trái các quy định hiện hành về quản lý viên chức³⁷. Đồng thời, các quy định này cũng thống nhất với các hướng dẫn hiện hành về đối với viên chức, cụ thể: tại khoản 7 Điều 45 Văn bản hợp nhất 1/VBHN-BNV năm 2024 hợp nhất Nghị định quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức do Bộ Nội vụ ban hành đã quy định “*7. Thẩm quyền bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định theo phân*

³⁷ Đối với từng lĩnh vực cụ thể, Luật Viên chức hiện đang giao (1) UBND cấp tỉnh thực hiện hoặc phân cấp thực hiện hoặc giao; (2) CSGD thực hiện hoặc cơ quan quản lý CSGD thực hiện;

cấp quản lý về công tác cán bộ. Trường hợp có quy định khác về thẩm quyền bổ nhiệm viên chức quản lý thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành”.

Thực tế, trong giai đoạn thực hiện chính quyền địa phương ba cấp cũng đã có nhiều Sở Giáo dục và Đào tạo được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp chủ trì tham mưu thực hiện hoặc chủ trì tổ chức thực hiện các nội dung quản lý đối với đội ngũ nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức và người lao động ngành Giáo dục như phân cấp tại Nghị định 142/2025/NĐ-CP và Nghị định 150/2025/NĐ-CP.

Để thực hiện Nghị định 142/2025/NĐ-CP đảm bảo hiệu quả, các Sở Giáo dục và Đào tạo cần chủ động đề xuất tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể thẩm quyền các nội dung công việc để bảo đảm công tác triển khai thực hiện tại địa phương hiệu quả, thông suốt.

Đồng thời, theo quy định về ủy quyền tại khoản 1 Điều 14 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, “...người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền cho Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã... thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được giao theo quy định của pháp luật trong khoảng thời gian xác định kèm theo các điều kiện cụ thể, trừ trường hợp pháp luật quy định không được ủy quyền”. Như vậy, trong quá trình Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện các nhiệm vụ về phân cấp, phân quyền theo quy định, trường hợp các nhiệm vụ đó nếu giao cho Ủy ban nhân dân, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện bảo đảm phù hợp với năng lực, khả năng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã hoặc có những nhiệm vụ có thể Ủy quyền, phân cấp trực tiếp cho người đứng đầu cơ sở giáo dục thực hiện và bảo đảm hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, tiến tới cải cách hành chính, thì Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo có thể thực hiện việc ủy quyền hoặc trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền một số nhiệm vụ cụ thể.

1.3. Liên quan đến việc công nhận, bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng trường, bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng trường thì hiện Luật Giáo dục dự kiến sửa đổi quy định về Hội đồng trường theo hướng không quy định hội đồng trường đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục dự kiến có hiệu lực từ ngày 01/01/2026. Do đó, trong khoảng thời gian giờ đến trước ngày 01/01/2026, trong trường hợp không thực sự cần thiết, các Sở Giáo dục và Đào tạo xem xét không triển khai việc công nhận, bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng trường, bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng trường đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông cho đến khi có quy định mới về hội đồng trường.

2. Một số lưu ý đối với lĩnh vực quản lý nhà nước về nhà giáo, nhân sự quản lý, viên chức, nhân viên ngành giáo dục trong bối cảnh chuyển giao nhiệm vụ để thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp

2.1. Khoản 2 Điều 43 Nghị định 142/2025/NĐ-CP quy định: "Văn bản, giấy chứng nhận đã được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và chưa hết hiệu lực hoặc chưa hết thời hạn thì tiếp tục được áp dụng, sử dụng theo thời hạn ghi trên văn bản, giấy chứng nhận đó cho đến khi hết thời hạn. Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu được sửa đổi, cấp lại văn bản, giấy chứng nhận bởi cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được phân cấp thì có văn bản đề nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được phân cấp giải quyết".

Căn cứ hướng dẫn này, các địa phương cần lưu ý khi tiếp nhận, bàn giao từ các địa phương, cơ sở giáo dục để thực hiện chính quyền hai cấp thì tiếp nhận nguyên trạng, sớm ổn định tổ chức. Việc điều chỉnh, bổ sung, thay thế các Quyết định bổ nhiệm CBQL cơ sở giáo dục cũng như các văn bản, giấy chứng nhận khác (nếu có) sẽ thực hiện trong giai đoạn mới, căn cứ thẩm quyền của hai cấp theo quy định.

2.2. Khoản 3 Điều 43 Nghị định 142/2025/NĐ-CP quy định “Cơ quan, người được phân định thẩm quyền, khi tiếp nhận thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục có trách nhiệm sau đây:

a) Rà soát các nhiệm vụ được phân định thẩm quyền quy định tại Nghị định này để chỉnh sửa, bổ sung và công bố Quyết định danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết; bảo đảm giải quyết thủ tục hành chính sau phân định thẩm quyền được thông suốt, không bị gián đoạn;

b) Kế thừa toàn bộ hồ sơ, tài liệu, các bước thực hiện và kết quả giải quyết của cơ quan, người có thẩm quyền đã thực hiện trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành. Không được yêu cầu cá nhân, tổ chức nộp lại hồ sơ đã nộp; không thực hiện lại các bước trong thủ tục hành chính đã thực hiện trước khi phân định thẩm quyền”.

Như vậy, các địa phương cần lưu ý, đối với công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, thăng hạng chức danh nghề nghiệp nhà giáo và các nội dung khác chưa hoàn thành khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, thì cơ quan, đơn vị tiếp nhận nội dung công việc cần tiếp tục triển khai các bước tiếp theo để hoàn thành công việc.

2.3. Điều 44 Nghị định 142/2025/NĐ-CP quy định “Trong thời gian các quy định của Nghị định này có hiệu lực, nếu quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục trong Nghị định này khác với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan ban hành trước 01 tháng 7 năm 2025 thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này”. Như vậy, những văn bản trước ngày 01/7/2025,

nếu đang có nội dung quy định khác với quy định tại Nghị định 142/2025/NĐ-CP thì thực hiện theo quy định của Nghị định 142/2025/NĐ-CP.

2.4. Điều 44 Nghị định 142/2025/NĐ-CP cũng quy định “Luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định này thông qua hoặc ban hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 thì quy định tương ứng trong Nghị định này hết hiệu lực tại thời điểm các văn bản quy phạm pháp luật đó có hiệu lực”. Do đó, trong bối cảnh này, cần theo dõi, cập nhật thường xuyên, liên tục các văn bản quy định về quản lý nhà nước đối với đội ngũ nhà giáo, CBQL cơ sở giáo dục, viên chức và người lao động trong cơ sở giáo dục để nắm bắt thẩm quyền, chức năng và nhiệm vụ của cơ quan mình đối với từng đối tượng.

2.5. Các Sở Giáo dục và Đào tạo cần nghiên cứu văn bản quy định chi tiết việc thực hiện đối với từng nội dung quản lý cụ thể để nắm bắt thẩm quyền của mình. Đối với những nội dung quản lý chưa phân cấp cụ thể thì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện hoặc phân cấp, ủy quyền cho Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện hoặc phương án khác bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương và bảo đảm tính kịp thời, hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà giáo, CBQL cơ sở giáo dục, viên chức và người lao động trong cơ sở giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

2.6. Hiện nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đang tiếp tục cập nhật, nắm bắt các vấn đề khó khăn, vướng mắc của địa phương khi thực hiện chính quyền hai cấp để hướng dẫn, tháo gỡ; đồng thời khẩn trương hoàn thiện việc xây dựng, ban hành Thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Văn hóa - Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo để các địa phương căn cứ thực hiện.

Phần 6.

PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP TRONG QUẢN LÝ CƠ SỞ VẬT CHẤT, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

1. THẨM QUYỀN CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG CẤP TỈNH

1.1. Đối với Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh

1.1.1. Về xây dựng kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, chính sách phát triển giáo dục

Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, chính sách địa phương để phát triển giáo dục trên địa bàn tỉnh phù hợp với chiến lược phát triển giáo dục quốc gia và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

1.1.2. Về cơ sở vật chất cho giáo dục

- Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch phát triển hệ thống cơ sở giáo dục, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, nguồn lực, kinh phí để đảm bảo các điều kiện tổ chức dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giáo dục trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

- Chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc sử dụng, bố trí đủ quỹ đất dành cho các cơ sở giáo dục theo chiến lược, kế hoạch phát triển giáo dục tại địa phương.

- Phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng lĩnh vực giáo dục - đào tạo trong các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg và Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT).

1.1.3. Về tài chính cho giáo dục thuộc phạm vi quản lý nhà nước của địa phương

- Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh theo quy định của pháp luật;

- Chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc quy định cơ chế thu và sử dụng mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học do địa phương quản lý sau khi được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua;

- Chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc bố trí đủ ngân sách nhà nước chi cho giáo dục tại địa phương theo quy định; quản lý, kiểm tra việc sử dụng ngân sách

nhà nước chỉ cho giáo dục theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và phân cấp quản lý ngân sách hiện hành nhằm đáp ứng các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục;

- Thực hiện chính sách xã hội hóa giáo dục, huy động các nguồn lực hợp pháp để phát triển giáo dục trên địa bàn tỉnh;

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan quản lý giáo dục, cơ quan quản lý tài chính và các ngành liên quan thực hiện Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn theo thẩm quyền.

- Chỉ đạo sở giáo dục và đào tạo, các ngành liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn, kịp thời chấn chỉnh và xử lý những trường hợp sai phạm.

1.2. ĐỐI VỚI CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH: không có

1.3. ĐỐI VỚI SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

1.3.1. Về xây dựng kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, chính sách phát triển giáo dục

- a) Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, thực hiện chính sách phát triển giáo dục trên địa bàn tỉnh phù hợp với chiến lược phát triển giáo dục quốc gia và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

- b) Tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định, chỉ thị, kế hoạch và các văn bản khác về lĩnh vực giáo dục.

1.3.2. Về cơ sở vật chất cho giáo dục

- a) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện huy động các nguồn lực để phát triển giáo dục, bảo đảm quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục trực thuộc; tài sản, cơ sở vật chất được giao theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm giải trình về hoạt động giáo dục, chất lượng giáo dục, quản lý nhà giáo và người học, thực hiện chính sách phát triển giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý trước Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- b) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triển khai thực hiện quy hoạch phát triển hệ thống giáo dục, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, nguồn lực, kinh phí để đảm bảo các điều kiện tổ chức dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giáo dục trên địa bàn theo thẩm quyền quy định.

c) Chủ trì, đầu mối xây dựng tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng lĩnh vực giáo dục và đào tạo tại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và cơ sở đào tạo, cơ sở giáo dục công lập khác trên địa bàn tỉnh, thuộc phạm vi quản lý (trừ các cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư), tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan, hoàn thiện dự thảo tiêu chuẩn, định mức trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xin ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

1.3.3. Về tài chính cho giáo dục thuộc phạm vi quản lý nhà nước của địa phương

a) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định khung học phí hoặc mức học phí cụ thể, các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh theo quy định của pháp luật;

b) Xây dựng dự toán ngân sách giáo dục, quyết định phân bổ, giao dự toán ngân sách đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; duyệt quyết toán, thông báo quyết toán năm và tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách của các cơ sở giáo dục trực thuộc; phối hợp với Sở Tài chính xác định, cân đối ngân sách nhà nước chi cho giáo dục hằng năm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của địa phương trình cấp có thẩm quyền. Chịu trách nhiệm chi trả (hoặc ủy quyền cho cơ sở giáo dục chi trả), quyết toán kinh phí miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí theo quy định của pháp luật.

1.3.4. Công nhận thư viện trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là THPT) đạt tiêu chuẩn theo các mức độ

Thực hiện đánh giá và công nhận nhận thư viện trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là THPT) theo một hoặc các phương thức sau:

- Thông qua báo cáo kết quả tự đánh giá hoạt động của thư viện;
- Trực tiếp đánh giá hoạt động tại thư viện;
- Trực tuyến thông qua hệ thống phần mềm xử lý số liệu.

Tiêu chuẩn đánh giá thư viện đạt tiêu chuẩn các mức độ:

- Trường THPT: theo quy định tại các Điều 15, 16, 17, 18, 19 Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

- Trường phổ thông có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là THPT): theo quy định tại các Điều 20, 21, 22, 23, 24 Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

- Chủ trì, chỉ đạo thực hiện liên thông thư viện giữa các thư viện trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là THPT); phối hợp với các đơn vị quản lý thư viện cấp tỉnh tổ chức thực hiện liên thông thư viện giữa các thư viện trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là THPT) với thư viện cấp tỉnh;

1.3.5. Về tài trợ cho các cơ sở giáo dục

1. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn, chỉ đạo việc thực hiện Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn.

2. Chủ trì, phối hợp với cơ quan tài chính, thanh tra và các đơn vị có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện, kịp thời chấn chỉnh và xử lý những trường hợp sai phạm.

3. Phê duyệt kế hoạch vận động tài trợ của cơ sở giáo dục cấp trung học phổ thông và các cơ sở giáo dục khác trực thuộc đảm bảo phù hợp với nhiệm vụ triển khai năm học.

4. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tình hình vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng tài trợ của cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý.

2. THẨM QUYỀN CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG CẤP XÃ

2.1. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã

2.1.1. Giải quyết về chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho người học trong các cơ sở giáo dục

- Thẩm quyền chi trả (hoặc ủy quyền cho cơ sở giáo dục chi trả), quyết toán kinh phí miễn, giảm, hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

- Thẩm quyền chi trả (hoặc ủy quyền cho cơ sở giáo dục chi trả), quyết toán kinh phí miễn, giảm, hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập quy định tại điểm a, c khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều 22 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

- Thẩm quyền tổng hợp, xây dựng dự toán kinh phí thực hiện miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập quy định tại điểm a, c khoản 3 Điều 23 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

- Thẩm quyền xét, thẩm định, phê duyệt danh sách đối với học viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự thực quy định tại điểm c khoản 5 Điều 9 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

- Thẩm quyền chi trả học bổng chính sách đối với học viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự thực quy định tại điểm c khoản 7 Điều 9 Nghị định 84/2020/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

- Trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền giải quyết chế độ học bổng chính sách đối với học viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự thực theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 84/2020/NĐ-CP.

2.1.2. Công nhận thư viện trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn theo các mức độ

Thực hiện đánh giá và công nhận thư viện trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là THCS) theo một hoặc các phương thức sau:

- Thông qua báo cáo kết quả tự đánh giá hoạt động của thư viện;
- Trực tiếp đánh giá hoạt động tại thư viện;
- Trực tuyến thông qua hệ thống phần mềm xử lý số liệu.

Tiêu chuẩn đánh giá thư viện đạt tiêu chuẩn theo các mức độ:

- Trường mầm non: theo quy định tại các Điều 5, 6, 7, 8, 9 Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

- Trường tiểu học: theo quy định tại các Điều 10, 11, 12, 13, 14 Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

- Trường trung học cơ sở: theo quy định tại các Điều 15, 16, 17, 18, 19 Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

- Trường phổ thông có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là THCS): theo quy định tại các Điều 20, 21, 22, 23, 24 Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

- Chủ trì, chỉ đạo thực hiện liên thông thư viện giữa các thư viện trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là THCS); phối hợp với các đơn vị quản lý thư viện cấp xã tổ chức thực hiện liên thông thư viện giữa các thư viện trường mầm non, tiểu học, trung

học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học (cấp học cao nhất là THCS) thuộc phạm vi quản lý với thư viện cấp xã.

2.1.3. Về tài trợ cho các cơ sở giáo dục

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan tài chính, thanh tra và các đơn vị có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, kịp thời chấn chỉnh và xử lý những trường hợp sai phạm.

- Phê duyệt Kế hoạch vận động tài trợ của cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục cấp tiểu học, trung học cơ sở đảm bảo phù hợp với nhiệm vụ triển khai năm học.

- Tổng hợp báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo tình hình vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng tài trợ của cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý.

2.2. Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã: Không có.

Phần 7.

PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, PHÂN ĐỊNH MỘT SỐ THẨM QUYỀN KHÁC TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP

1. ĐỐI VỚI CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG CẤP TỈNH

1.1. Đối với Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh (không quy định)

1.2. Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh

1.2.1. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- Phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài quy định tại Điều 22 và Điều 23 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 124/2024/NĐ-CP ngày 05/10/2024 của Chính phủ) theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 143/2025/NĐ-CP.

- Thực hiện các thủ tục hành chính: Phê duyệt, gia hạn hoặc điều chỉnh, chấm dứt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài theo quy định tại Điều 4 Phụ lục I Nghị định số 143/2025/NĐ-CP và Nghị định số 86/2018/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 124/2024/NĐ-CP).

(Thẩm quyền này trước đây giao cho Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định tại khoản 1 Điều 22, điểm a khoản 6 Điều 25, điểm a khoản 7 Điều 26 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP).

1.2.2. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Không quy định)

1.3. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo

1.3.1. Thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý văn bằng, chứng chỉ

- Về việc liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài: Tiếp nhận, xử lý hồ sơ phê duyệt, gia hạn hoặc điều chỉnh, chấm dứt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định tại Điều 4 Phụ lục I Nghị định số 143/2025/NĐ-CP *(Thẩm quyền này trước đây giao cho Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định tại Nghị định số 86/2018/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 124/2024/NĐ-CP).*

- Về việc quản lý văn bằng, chứng chỉ: Thực hiện việc cấp lại, cấp bản sao từ sổ gốc, chỉnh sửa nội dung, thu hồi hủy bỏ văn bằng, chứng chỉ đối với các văn bằng, chứng chỉ do Phòng Giáo dục và Đào tạo cấp trước ngày 01/7/2025 theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 5 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT (thẩm quyền cấp lại văn bằng trước đây thuộc về Phòng Giáo dục và Đào tạo theo quy định tại khoản 2 Điều 18; thẩm quyền và trách nhiệm cấp bản sao từ sổ gốc vẫn do cơ quan đang quản lý sổ gốc thực hiện theo quy định tại điều 29 Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm, bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân ban hành kèm theo Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Đối với các trường hợp Phòng Giáo dục và Đào tạo đã bàn giao hồ sơ quản lý văn bằng, chứng chỉ cho các đơn vị khác (lưu trữ tỉnh hoặc chuyên về xã,...), các Sở Giáo dục và Đào tạo cần có văn bản đề nghị chuyển lại cho Sở Giáo dục và Đào tạo để làm căn cứ giải quyết các thủ tục hành chính cho người được cấp văn bằng, chứng chỉ (theo quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch và quy định tại Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT phải có sổ gốc mới cấp được bản sao từ sổ gốc, ngoài ra việc cấp lại, chỉnh sửa, thu hồi đều phải có sổ gốc và lập phụ lục sổ gốc).

Liên quan đến công tác quản lý văn bằng, chứng chỉ, Cục Quản lý chất lượng đã ban hành và tham mưu với Bộ trưởng ban hành nhiều văn bản. Các văn bản gần đây nhất gồm Công văn số 2127/BGDĐT-QLCL ngày 06/5/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cấp bằng tốt nghiệp trung học cơ sở và quản lý văn bằng, chứng chỉ; Công văn số 1108/QLCL-QLVBCC ngày 25/6/2025 của Cục Quản lý chất lượng về việc quản lý văn bằng, chứng chỉ. Đề nghị các đơn vị tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ và báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.3.2. Trách nhiệm trong lĩnh vực bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục

- Hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ và đánh giá chất lượng giáo dục đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 40 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP (*trách nhiệm này trước đây cũng thuộc về Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định tại khoản 6 Điều 12 Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018³⁸, nay có chỉnh sửa, bổ sung: cụm*

³⁸ “6. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ; công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, xây dựng trường chuẩn quốc gia và xây dựng xã hội học tập trên địa bàn; công tác tuyển sinh, thi, cấp, thu hồi văn bằng, chứng chỉ, kiểm định chất lượng giáo dục đối với các Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý.”

từ “kiểm định chất lượng giáo dục” được thay thế bằng cụm từ “đánh giá chất lượng giáo dục”, bãi bỏ cụm từ “đối với các Phòng Giáo dục và Đào tạo”).

- Hướng dẫn, kiểm tra các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục quy định tại điểm a khoản 7 Điều 40 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP (trước đây chưa quy định cho Sở Giáo dục và Đào tạo).

2. ĐỐI VỚI CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG CẤP XÃ

2.1. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã

Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền và trách nhiệm trong các lĩnh vực sau:

2.1.1. Công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp trên địa bàn; tham mưu ban hành các chế độ, chính sách đối với cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên và học sinh có thành tích xuất sắc trong việc triển khai thực hiện các nội dung quy định tại Điều 18 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT, *thẩm quyền này trước đây thuộc trách nhiệm của phòng Giáo dục và Đào tạo* (quy định tại Điều 10 Thông tư số 07/2022/TT-BGDĐT ngày 23/5/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục).

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trên địa bàn phối hợp với các đối tác tổ chức các hoạt động về tư vấn nghề nghiệp, việc làm, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp cho học sinh quy định tại Điều 18 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT, *thẩm quyền này trước đây thuộc trách nhiệm của phòng Giáo dục và Đào tạo* (quy định tại Điều 10 Thông tư số 07/2022/TT-BGDĐT ngày 23/5/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục).

- Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý các hoạt động về công tác hướng nghiệp, tư vấn việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý quy định tại Điều 18 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT, *thẩm quyền này trước đây thuộc trách nhiệm của phòng Giáo dục và Đào tạo* (quy định tại Điều 10 Thông tư số 07/2022/TT-BGDĐT ngày 23/5/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục).

- Phối hợp với các đối tác xây dựng không gian trải nghiệm, không gian sáng tạo khởi nghiệp dùng chung cho các cơ sở giáo dục quy định tại Điều 18 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT, *thẩm quyền này trước đây thuộc trách nhiệm*

của phòng Giáo dục và Đào tạo (quy định tại Điều 10 Thông tư số 07/2022/TT-BGDĐT ngày 23/5/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục).

- Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện gửi UBND cấp tỉnh và cơ quan quản lý giáo dục cấp trên khi kết thúc năm học hoặc báo cáo đột xuất khi được các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, quy định tại Điều 18 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT, *thẩm quyền này trước đây thuộc trách nhiệm của phòng Giáo dục và Đào tạo* (quy định tại Điều 10 Thông tư số 07/2022/TT-BGDĐT ngày 23/5/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định công tác tư vấn nghề nghiệp, việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp trong các cơ sở giáo dục).

2.1.2. Tổng kết và báo cáo kết quả xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích đối với cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên

- Thống kê, tổng hợp kết quả đánh giá trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích đối với các nhà trường thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Sở GDĐT tại Khoản 1 Điều 9 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT, *thẩm quyền này trước đây thuộc trách nhiệm của phòng Giáo dục và Đào tạo* (theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Thông tư số 18/2023/TT-BGDĐT).

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra kết quả đánh giá xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích đối với các nhà trường thuộc thẩm quyền quản lý theo từng năm học. Việc kiểm tra được thực hiện theo chuyên đề riêng hoặc lồng ghép nội dung với các chuyên đề khác trong năm học, có biên bản và thông báo kết quả kiểm tra; Chủ trì hoặc phối hợp tổ chức đoàn kiểm tra, đánh giá liên ngành khi có đề nghị của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT, *thẩm quyền này trước đây thuộc trách nhiệm của phòng Giáo dục và Đào tạo* (theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 13 Thông tư số 18/2023/TT-BGDĐT).

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các nhà trường thuộc thẩm quyền quản lý trong việc thực hiện Thông tư số 18/2023/TT-BGDĐT; rà soát, lập danh sách đối với các nhà trường “đạt” và “chưa đạt” trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích, xác định rõ lý do các tiêu chí chưa đạt để chỉ đạo khắc phục hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền chỉ đạo khắc phục; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về công tác xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích hàng năm; tổng kết và báo cáo kết quả xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích gửi Sở GDĐT cùng thời điểm báo cáo tổng kết năm học theo quy định. Biểu dương, khen thưởng, kỷ luật kịp thời các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo thẩm quyền theo quy định tại Khoản

2 Điều 9 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT, *thẩm quyền này trước đây thuộc trách nhiệm của phòng Giáo dục và Đào tạo* (theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Thông tư số 18/2023/TT-BGDĐT).

2.1.3. Công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông tại các nhà trường thuộc phạm vi quản lý quy định tại Điều 18 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT, *thẩm quyền này trước đây thuộc trách nhiệm của phòng Giáo dục và Đào tạo* (theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT).

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác tư vấn tâm lý tại các nhà trường thuộc phạm vi quản lý quy định tại Điều 18 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT, *thẩm quyền này trước đây thuộc trách nhiệm của phòng Giáo dục và Đào tạo* (theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT).

- Nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân các cấp về chế độ chính sách liên quan để hỗ trợ, động viên các cán bộ, giáo viên kiêm nhiệm thực hiện công tác tư vấn tâm lý, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương quy định tại Điều 18 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT, *thẩm quyền này trước đây thuộc trách nhiệm của phòng Giáo dục và Đào tạo* (theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT).

- Thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ công tác tư vấn tâm lý học sinh đối với cán bộ, giáo viên kiêm nhiệm, hợp đồng chuyên trách công tác tư vấn tâm lý và các cán bộ Đoàn, Đội, giáo viên chủ nhiệm và các thành viên khác thực hiện công tác tư vấn tâm lý trong nhà trường quy định tại Điều 18 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT, *thẩm quyền này trước đây thuộc trách nhiệm của phòng Giáo dục và Đào tạo* (theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT).

- Tổ chức sơ kết, tổng kết, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp theo định kỳ từng năm học hoặc báo cáo đột xuất về việc thực hiện Thông tư này trong các nhà trường thuộc phạm vi quản lý quy định tại Điều 18 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT, *thẩm quyền này trước đây thuộc trách nhiệm của phòng Giáo dục và Đào tạo* (theo quy định tại khoản 5 Điều 11 Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT).

2.1.4. Công tác xã hội trong trường học

- Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo xây dựng cơ chế phối hợp giữa cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục với cơ quan chuyên môn có thẩm quyền Trung tâm công tác xã hội và các cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã

hội tại địa phương để hỗ trợ thực hiện hoạt động công tác xã hội trong trường học và tiếp nhận các trường hợp người học được chuyển, gửi để sử dụng các dịch vụ bên ngoài trường học quy định tại Điều 18 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT, *thẩm quyền này trước đây thuộc trách nhiệm của phòng Giáo dục và Đào tạo* (theo được quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 33/2018/TT-BGDĐT).

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện, hướng dẫn kiểm tra, giám sát việc thực hiện Thông tư số 33/2018/TT-BGDĐT tại các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý quy định tại Điều 18 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT, *thẩm quyền này trước đây thuộc trách nhiệm của phòng Giáo dục và Đào tạo* (theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 33/2018/TT-BGDĐT).

- Phối hợp với cơ quan chuyên môn có thẩm quyền và cơ quan Tài chính tham mưu UBND cấp tỉnh xây dựng và thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên được phân công làm đầu mối tham mưu triển khai công tác xã hội trong trường học phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương quy định tại Điều 18 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT, *thẩm quyền này trước đây thuộc trách nhiệm của phòng Giáo dục và Đào tạo* (theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư số 33/2018/TT-BGDĐT).

2.1.5. Đánh giá, xếp loại thể lực cho học sinh, sinh viên

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện đánh giá, xếp loại thể lực cho học sinh, sinh viên tại các cơ sở giáo dục thuộc quyền quản lý; tổng hợp, báo cáo sở giáo dục và đào tạo định kỳ hằng năm, quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT, *thẩm quyền này trước đây thuộc trách nhiệm của phòng Giáo dục và Đào tạo* (theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT).

2.1.6. Tổ chức thực hiện quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý tổ chức triển khai, thực hiện Quy định quy tắc ứng xử tại đơn vị theo quy định quy định tại Khoản 1 Điều 18 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT, *thẩm quyền này trước đây thuộc trách nhiệm của phòng Giáo dục và Đào tạo* (theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12/4/2019).

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc xây dựng và thực hiện Bộ Quy tắc ứng xử tại các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT, *thẩm quyền này trước đây thuộc trách nhiệm của phòng Giáo dục và Đào tạo* (theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12/4/2019).

2.1.7. Công tác phòng, chống tệ nạn ma túy tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

- Xây dựng cơ chế phối hợp công tác phòng, chống tệ nạn ma túy trong các nhà trường trên địa bàn quy định tại khoản 5 Điều 18 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025, tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh những nội dung vượt quá thẩm quyền, *thẩm quyền này trước đây thuộc trách nhiệm của trường phòng Giáo dục và Đào tạo* (theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư số 31/2009/TT-BGDĐT ngày 23/10/2009).

- Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các nhà trường trong việc tổ chức các hoạt động phòng, chống tệ nạn ma túy và xử lý người học, cán bộ, nhà giáo có liên quan đến tệ nạn ma túy theo quy định tại khoản 5 Điều 18 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025, *thẩm quyền này trước đây thuộc trách nhiệm của trường phòng Giáo dục và Đào tạo* (theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 31/2009/TT-BGDĐT ngày 23/10/2009).

- Tổ chức thống kê tình hình người học, cán bộ, nhà giáo có liên quan đến tệ nạn ma túy và thực hiện việc báo cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 18 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025, *thẩm quyền này trước đây thuộc trách nhiệm của trường phòng Giáo dục và Đào tạo* (theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Thông tư số 31/2009/TT-BGDĐT ngày 23/10/2009).

2.1.8. Chỉ đạo, kiểm tra, tổ chức Hội khỏe Phù Đổng định kỳ

- Tổ chức chỉ đạo, kiểm tra, tổ chức Hội khỏe Phù Đổng định kì hai năm/một lần *theo quy định tại khoản 3, điều 18, Thông tư 13/2025/ TT-BGDĐT ngày 12/6/2025, thẩm quyền này trước đây thuộc trách nhiệm của ủy ban nhân dân cấp quận, huyện, thành phố (trực thuộc tỉnh)* (theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 10 Thông tư 48/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT).

2.1.9. Thực hiện quy định về chữ thập đỏ trong trường học

- Phối hợp chặt chẽ với tổ chức chữ thập đỏ, tổ chức Đoàn cùng cấp và các đơn vị có liên quan trong việc chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động chữ thập đỏ trong trường học trên địa bàn phụ trách quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT, *thẩm quyền này trước đây thuộc trách nhiệm của phòng Giáo dục và Đào tạo* (theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 07/2014/TT-BGDĐT ngày 14/03/2014).

- Trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc các nhà trường trên địa bàn phụ trách thực hiện các hoạt động chữ thập đỏ được quy định tại Thông tư số 07/2014/TT-BGDĐT ngày 14/03/2014 quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT, *thẩm quyền này trước đây thuộc trách nhiệm của phòng*

Giáo dục và Đào tạo (theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 07/2014/TT-BGDĐT ngày 14/03/2014).

- Báo cáo về tình hình triển khai các hoạt động chữ thập đỏ trong các cơ sở giáo dục về Sở Giáo dục và Đào tạo và Hội Chữ thập đỏ cùng cấp theo quy định quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT, *thẩm quyền này trước đây thuộc trách nhiệm của phòng Giáo dục và Đào tạo (theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư số 07/2014/TT-BGDĐT ngày 14/03/2014).*

2.1.10. Hướng dẫn trang bị kiến thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục

- Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai tại địa phương; xây dựng kế hoạch cụ thể chỉ đạo các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trên địa bàn tổ chức triển khai thực hiện các quy định theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025, *thẩm quyền này trước đây thuộc trách nhiệm của phòng Giáo dục và Đào tạo (quy định tại Điều 10 Thông tư số 06/2022/TT-BGDĐT ngày 11/5/2022)*.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trên địa bàn hướng dẫn trẻ em, học sinh, học viên tham gia các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, kiến thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ do địa phương tổ chức theo quy định tại khoản 1, Điều 18 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025, *thẩm quyền này trước đây thuộc trách nhiệm của phòng Giáo dục và Đào tạo (quy định tại Điều 10 Thông tư 06/2022/TT-BGDĐT ngày 11/5/2022)*.

- Khen thưởng đối với các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, kiến thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong các cơ sở giáo dục và kỷ luật đối với các tập thể, cá nhân vi phạm theo quy định tại khoản 1, Điều 18 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025, *thẩm quyền này trước đây thuộc trách nhiệm của phòng Giáo dục và Đào tạo (quy định tại Điều 10 Thông tư 06/2022/TT-BGDĐT ngày 11/5/2022)*.

1.11. Thẩm quyền, trách nhiệm trong lĩnh vực bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục

- Tổ chức tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài, gửi hồ sơ đăng ký đánh giá ngoài được chấp nhận về Sở Giáo dục và Đào tạo đối với trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở, trường mầm non theo quy định tại khoản 1 của Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT (*trước đây là trách nhiệm của Phòng Giáo dục và Đào tạo - theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Thông tư số*

17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT).

- Lập kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục; lập kế hoạch xây dựng, đầu tư cho các trường học trực thuộc trên địa bàn để đạt chuẩn quốc gia; hướng dẫn, chỉ đạo, giám sát, kiểm tra các trường học trực thuộc triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo quy định tại khoản 2 của Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT (trước đây là trách nhiệm của Phòng Giáo dục và Đào tạo - theo quy định tại khoản 1 Điều 42 của Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT).

- Giám sát, chỉ đạo các trường học trực thuộc thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng để không ngừng duy trì và nâng cao chất lượng quy định tại khoản 2 của Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT (trước đây là trách nhiệm của Phòng Giáo dục và Đào tạo - theo quy định tại khoản 2 Điều 42 của Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT).

- Hằng năm tổ chức sơ kết, tổng kết về công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; báo cáo kết quả với Sở Giáo dục và Đào tạo để được hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra quy định tại khoản 2 của Điều 6, Điều 7 và Điều 8 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT (trước đây là trách nhiệm của Phòng Giáo dục và Đào tạo - theo quy định tại khoản 3 Điều 42 của Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT).

1.12. Thẩm quyền, trách nhiệm trong lĩnh vực quản lý văn bằng, chứng chỉ

Thẩm quyền quản lý việc sử dụng phôi văn bằng, chứng chỉ và chịu trách nhiệm về việc cấp văn bằng, chứng chỉ do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT (thẩm quyền này trước đây thuộc về Phòng Giáo dục và Đào tạo theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm, bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân ban hành kèm theo Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Tuy nhiên, theo chủ trương sửa đổi Luật Giáo dục, dự kiến sẽ bỏ bằng tốt nghiệp trung học cơ sở. Mặt khác, việc cấp bằng trung học cơ sở nếu có thì đến tháng 6/2026 mới cấp. Vì vậy, trường hợp Luật Giáo dục sửa đổi vẫn duy trì việc cấp bằng trung học cơ sở, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ tập huấn cho các đơn vị vào đầu quý II năm 2026.

2.2. Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

2.2.1. Thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý văn bằng, chứng chỉ

Thẩm quyền cấp văn bằng tốt nghiệp trung học cơ sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP (*thẩm quyền này trước đây thuộc về Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo - người đứng đầu cơ quan chuyên môn về giáo dục thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 và khoản 2 Điều 45 Luật Giáo dục và theo điểm a khoản 1 Điều 15 Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm, bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân ban hành kèm theo Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*).

Tuy nhiên, theo chủ trương sửa đổi Luật Giáo dục dự kiến sẽ bỏ bằng tốt nghiệp trung học cơ sở. Mặt khác, việc cấp bằng trung học cơ sở nếu có thì đến tháng 6/2026 mới cấp. Vì vậy, trường hợp Luật Giáo dục sửa đổi vẫn duy trì việc cấp bằng trung học cơ sở, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ tập huấn cho các đơn vị vào đầu quý II năm 2026.

2.2.2. Trách nhiệm trong lĩnh vực bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục

- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện quyền tự chủ, chịu trách nhiệm giải trình về thực hiện nhiệm vụ, bảo đảm chất lượng giáo dục, hoạt động giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý quy định tại điểm a khoản 3 Điều 42 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP (*trách nhiệm này trước đây thuộc về Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ ban hành quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục*).

- Chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát các trường trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý triển khai công tác đánh giá chất lượng giáo dục, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng để không ngừng duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục theo quy định; tiếp nhận hồ sơ đánh giá chất lượng giáo dục của các trường trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý để thẩm định trước khi gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 42 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP (*trách nhiệm này trước đây thuộc về Phòng Giáo dục và Đào tạo theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT và quy định tại Điều 42 của Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT; trong đó cụm từ “đánh giá chất lượng giáo dục” được thay thế cho cụm từ “kiểm định chất lượng giáo dục”*).

- Chỉ đạo, tổ chức kiểm tra điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục của các cơ sở giáo dục trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 42 Nghị định số 142/2025/NĐ-CP (*trách nhiệm này trước đây thuộc về Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ ban hành quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục*).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành trung ương Đảng (2025), *Nghị quyết số 60-NQ/TW* ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa XIII về hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa XIII.
2. Ban Chỉ đạo Trung ương (2025), *Báo cáo số 03/BC-BCĐ* ngày 15/4/2025 của Ban chỉ đạo sắp xếp đơn vị hành chính về định hướng một số nhiệm vụ sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.
3. Ban Chỉ đạo Trung ương (2025), *Báo cáo số 07/BC-BCĐ* ngày 29/4/2025 của Ban chỉ đạo sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.
4. Ban Chỉ đạo Trung ương (2025), *Nghị quyết số 18-NQ/TW* ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành trung ương khóa XII đã ban hành Kế hoạch số 47-KH/BCĐ một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
5. Bộ Chính trị, Ban Bí thư (2025), *Kết luận số 126-KL/TW* ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025.
6. Bộ Chính trị, Ban Bí thư (2025), *Kết luận số 127-KL/TW* ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.
7. Bộ Chính trị, Ban Bí thư (2025), *Kết luận số 130-KL/TW* ngày 14/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về việc sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.
8. Bộ Chính trị, Ban Bí thư (2025), *Kết luận số 137-KL/TW* ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.
9. Bộ Chính trị, Ban Bí thư (2025), *Kết luận số 155-KL/TW* ngày 17/5/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện về sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính từ nay đến ngày 30/6/2025.
10. Bộ Chính trị (2025), *Kết luận 150- KL/TW* ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị hướng dẫn tiêu chuẩn nhân sự cấp ủy cấp tỉnh thuộc diện hợp nhất và cấp xã thành lập mới.
11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025), *Công văn số 1581/BGDĐT-GDPT* ngày 08/4/2025 hướng dẫn việc thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục khi tổ chức lại đơn vị hành chính cấp huyện.

12. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025), *Thông tư số 09/2025/TT-BGDĐT* quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục mầm non.

13. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025), *Thông tư số 10/2025/TT-BGDĐT* quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục phổ thông.

14. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025), *Thông tư số 11/2025/TT-BGDĐT* quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên.

15. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025), *Thông tư số 12/2025/TT-BGDĐT* quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp đối với lĩnh vực nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục.

16. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025), *Thông tư số 13/2025/TT-BGDĐT* quy định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực giáo dục.

17. Chính phủ ban (2025), *Nghị quyết số 74/NQ-CP* Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

18. Chính phủ (2025), *Nghị định số 142/2025/NĐ-CP* quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

19. Chính phủ (2025), *Nghị định số 143/2025/NĐ-CP* quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

20. Quốc Hội (2025), *Luật Tổ chức Chính phủ* số 63/2025/QH15.

21. Quốc Hội (2019), *Luật Giáo dục* số 43/2019/QH14 và Luật sửa đổi Luật Giáo dục 2025.

22. Quốc Hội (2025), *Luật Tổ chức Chính quyền địa phương* số 72/2025/QH15, và *Luật sửa đổi Luật Tổ chức Chính quyền địa phương* 2025.

23. Quốc Hội (2025), *Luật Nhà giáo* số 73/2025/QH15.

24. Thủ tướng Chính phủ (2025), Văn bản số 393/TTg-PL về việc rà soát và xử lý các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc sắp xếp, tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

25. Thủ tướng Chính phủ (2025), Quyết định số 758/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

26. Thủ tướng Chính phủ (2025), *Quyết định 759/QĐ-TTg* ngày 14/4/2025 Phê duyệt “Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp”.

27. Thủ tướng Chính phủ (2025), *Quyết định 608/QĐ-TTg* ngày 15/3/2025 ban hành Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về đẩy mạnh phân quyền, phân cấp theo quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương.